

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2010

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THEO KHOA
HỌC KỲ 1 (2010 - 2011)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
1	1105101	Anh văn chuyên ngành sinh học	1105101	2	1	3	5	111	T5.04 KDI	01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	CDSH10	30/08/2010	14/11/2010
2	1105063	Công nghệ sau thu hoạch	1105063	2	4	6	4	111	T5.01 KDI	01920012	Trịnh Xuân Ngo	LT	CDSH10	30/08/2010	14/11/2010
3	1105132	Công nghệ sinh học trong chọn, tạo và nhân giống	1105132	2	7	11	7	111	V13.04	01140018	Trịnh Ngọc Nam	LT	CDSH10	30/08/2010	14/11/2010
4	1105181	Nông học đại cương	1105181	2	10	12	5	111	V14.04	0199900043	Trần Đức Việt	LT	CDSH10	30/08/2010	14/11/2010
5	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	111		09900069	Bùi Hồng Quân	LT	CDSH10	24/09/2010	24/09/2010
6	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	111		09900069	Bùi Hồng Quân	LT	CDSH10	22/10/2010	22/10/2010
7	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	111		09900069	Bùi Hồng Quân	LT	CDSH10	19/11/2010	19/11/2010
8	1105121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1105121	1	7	11	4	111	F6.3(Cô na nhê	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	CDSH10-4	18/10/2010	21/11/2010
9	1105121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1105121	1	1	5	6	111	F6.3(Cô na nhê	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	CDSH10-2	18/10/2010	21/11/2010
10	1105121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1105121	1	7	11	6	111	F6.3(Cô na nhê	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	CDSH10-3	18/10/2010	21/11/2010
11	1105121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1105121	1	1	5	7	111	F6.3(Cô na nhê	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	CDSH10-1	18/10/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
12	1105123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1105123	1	7	11	2	111	F6.2(Cô na nhê)	TAM10304	Giảng viên tạm 4	TH	CDSH10-4	18/10/2010	21/11/2010
13	1105123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1105123	1	7	11	3	111	F6.2(Cô na nhê)	TAM10304	Giảng viên tạm 4	TH	CDSH10-2	18/10/2010	21/11/2010
14	1105123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1105123	1	1	5	6	111	F6.2(Cô na nhê)	TAM10304	Giảng viên tạm 4	TH	CDSH10-3	18/10/2010	21/11/2010
15	1105123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1105123	1	7	11	7	111	F6.2(Cô na nhê)	TAM10304	Giảng viên tạm 4	TH	CDSH10-1	18/10/2010	21/11/2010
16	1105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	1105129	1	7	11	2	111	F4.05(C ôna)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-2	06/09/2010	17/10/2010
17	1105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	1105129	1	1	5	3	111	F4.05(C ôna)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-4	18/10/2010	21/11/2010
18	1105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	1105129	1	7	11	4	111	F4.05(C ôna)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-3	18/10/2010	21/11/2010
19	1105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	1105129	1	7	11	6	111	F4.05(C ôna)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-1	18/10/2010	21/11/2010
20	1105102	Tin học ứng dụng trong ngành sinh học	1105102	2	1	3	2	111	T5.01 KDI	09900069	Bùi Hồng Quân	LT	CDSH10	30/08/2010	14/11/2010
21	1105102	Tin học ứng dụng trong ngành sinh học	1105102	2	7	12	2	111	F7.05 (Tin học)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-3	18/10/2010	21/11/2010
22	1105102	Tin học ứng dụng trong ngành sinh học	1105102	2	1	6	3	111	F7.05 (Tin học)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-4	18/10/2010	21/11/2010
23	1105102	Tin học ứng dụng trong ngành sinh học	1105102	2	1	6	6	111	F7.05 (Tin học)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-1	18/10/2010	21/11/2010
24	1105102	Tin học ứng dụng trong ngành sinh học	1105102	2	7	12	7	111	F7.05 (Tin học)	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	CDSH10-2	18/10/2010	21/11/2010
25	1105109	Hoá sinh 2 (hoá sinh động)	1105109	2	1	3	3	87	T5.05	01140029	Lâm Khắc Kỳ	LT	CDSH11	30/08/2010	14/11/2010
26	1113010	Phương pháp tính (Toán chuyên đề 2)	1113010	2	4	6	3	87	A4.08	0199900032	Tôn Thất Q.Nguyên	LT	CDSH11	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
27	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	87		01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	CDSH11	21/10/2010	21/10/2010
28	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	87		01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	CDSH11	18/11/2010	18/11/2010
29	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	87		01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	CDSH11	23/09/2010	23/09/2010
30	1105116	Sinh học chức năng động vật	1105116	2	1	3	2	87	T5.05	TG11030007	Trần Thị Phương Nhung	LT	CDSH11	30/08/2010	14/11/2010
31	1105118	Sinh học chức năng thực vật	1105118	2	4	6	2	87	T5.06 KDI	01360056	Nguyễn Thành Sum	LT	CDSH11	30/08/2010	14/11/2010
32	1113021	Thí nghiệm Vật lý.	1113021	1	6	10	2	87	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	CDSH11-1	18/10/2010	21/11/2010
33	1113021	Thí nghiệm Vật lý.	1113021	1	1	5	4	87	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	CDSH11-3	18/10/2010	21/11/2010
34	1113021	Thí nghiệm Vật lý.	1113021	1	6	10	5	87	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	CDSH11-2	18/10/2010	21/11/2010
35	1117167	Thực hành Hóa phân tích	1117167	1	1	5	5	87	F1.05	01270039	Lê Hoài Ân	TH	CDSH11-1	30/08/2010	14/11/2010
36	1117167	Thực hành Hóa phân tích	1117167	1	1	5	7	87	F1.05	01270039	Lê Hoài Ân	TH	CDSH11-2	30/08/2010	14/11/2010
37	1117167	Thực hành Hóa phân tích	1117167	1	7	11	7	87	F1.05	01270039	Lê Hoài Ân	TH	CDSH11-3	30/08/2010	14/11/2010
38	1105108	Thực hành Hoá sinh 1	1105108	1	1	5	4	87	F4.3(Hóa Sinh)	01350007	Lưu Thảo Nguyên	TH	CDSH11-2	06/09/2010	17/10/2010
39	1105108	Thực hành Hoá sinh 1	1105108	1	7	11	4	87	F4.3(Hóa Sinh)	01350007	Lưu Thảo Nguyên	TH	CDSH11-3	06/09/2010	17/10/2010
40	1105108	Thực hành Hoá sinh 1	1105108	1	7	11	7	87	F4.3(Hóa Sinh)	01350007	Lưu Thảo Nguyên	TH	CDSH11-1	06/09/2010	17/10/2010
41	1105106	Thực hành Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	1105106	1	1	5	4	87	F3.02(Các QTTB)	01270030	Nguyễn Đức Vinh	TH	CDSH11-1	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
42	1105106	Thực hành Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	1105106	1	1	5	5	87	F3.03(Q TTB)	01270030	Nguyễn Đức Vinh	TH	CDSH11-3	30/08/2010	14/11/2010
43	1105106	Thực hành Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	1105106	1	7	11	5	87	F3.03(Q TTB)	01270030	Nguyễn Đức Vinh	TH	CDSH11-2	30/08/2010	14/11/2010
44	1117045	Hoá học 1	1117045	2	1	5	2	0	A2.04	01270028	Trần T.Lan Anh	LT	CDSH12	18/10/2010	05/12/2010
45	1112007	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	1112007	5	1	5	6	0	D 09.01	01190015	Võ Duy Phán	LT	CDSH12	18/10/2010	12/12/2010
46	1112007	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	1112007	5	1	5	7	0	D 08.01	01190015	Võ Duy Phán	LT	CDSH12	18/10/2010	12/12/2010
47	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	0		01350008	Văn Hồng Thiện	LT	CDSH12	29/10/2010	29/10/2010
48	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	0		01350008	Văn Hồng Thiện	LT	CDSH12	26/11/2010	26/11/2010
49	1105103	Sinh học đại cương	1105103	2	7	11	6	0	V12.05 CAN	TAM10304	Giảng viên tạm 4	LT	CDSH12	18/10/2010	05/12/2010
50	1105001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	1105001	2	1	3	6	111	A4.08	01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	CDTP10	30/08/2010	14/11/2010
51	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	1	6	3	111	F5.6(Cô na nhê)	01350012	Đỗ Viết Phương	TH	CDTP10-3	04/10/2010	14/11/2010
52	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	7	12	3	111	F5.6(Cô na nhê)	01350012	Đỗ Viết Phương	TH	CDTP10-4	04/10/2010	14/11/2010
53	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	1	6	5	111	F5.6(Cô na nhê)	01350012	Đỗ Viết Phương	TH	CDTP10-1	04/10/2010	14/11/2010
54	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	7	12	5	111	F5.6(Cô na nhê)	01350012	Đỗ Viết Phương	TH	CDTP10-2	04/10/2010	14/11/2010
55	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	4	6	6	111	A6.04	01350012	Đỗ Viết Phương	LT	CDTP10	30/08/2010	03/10/2010
56	1105011	Đồ án học phần	1105011	1	1	5	3	111		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-3	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
57	1105011	Đồ án học phần	1105011	1	7	11	3	111		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-4	30/08/2010	14/11/2010
58	1105011	Đồ án học phần	1105011	1	1	5	5	111		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-1	30/08/2010	14/11/2010
59	1105011	Đồ án học phần	1105011	1	7	11	5	111		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-2	30/08/2010	14/11/2010
60	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	111		0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	LT	CDTP10	23/09/2010	23/09/2010
61	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	111		0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	LT	CDTP10	21/10/2010	21/10/2010
62	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	111		0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	LT	CDTP10	18/11/2010	18/11/2010
63	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	7	12	2	111	F5.5(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	CDTP10-3	18/10/2010	21/11/2010
64	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	1	6	4	111	F5.5(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	CDTP10-2	18/10/2010	21/11/2010
65	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	1	6	7	111	F5.5(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	CDTP10-4	18/10/2010	21/11/2010
66	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	7	12	7	111	F5.5(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	CDTP10-1	18/10/2010	21/11/2010
67	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	2	111	F5.4(Cô na nhê)	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-4	06/09/2010	17/10/2010
68	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	7	12	2	111	F5.4(Cô na nhê)	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-1	06/09/2010	17/10/2010
69	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	3	111	F5.4(Cô na nhê)	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-4	06/09/2010	17/10/2010
70	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	7	12	3	111	F5.4(Cô na nhê)	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-1	06/09/2010	17/10/2010
71	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	5	111	F5.4(Cô na nhê)	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-2	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
72	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	7	12	5	111	F5.4(Cô na nhê	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-3	06/09/2010	17/10/2010
73	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	7	111	F5.4(Cô na nhê	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-2	06/09/2010	17/10/2010
74	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	7	12	7	111	F5.4(Cô na nhê	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	TH	CDTP10-3	06/09/2010	17/10/2010
75	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	1	6	2	111	F5.2(Cô na nhê	010002	Nguyễn Lệ Hà.	TH	CDTP10-1	18/10/2010	21/11/2010
76	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	7	12	2	111	F5.2(Cô na nhê	010002	Nguyễn Lệ Hà.	TH	CDTP10-2	18/10/2010	21/11/2010
77	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	1	6	CN	111	F5.2(Cô na nhê	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10-3	06/09/2010	17/10/2010
78	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	7	12	CN	111	F5.2(Cô na nhê	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10-4	06/09/2010	17/10/2010
79	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	1	6	2	111	F5.8(Cô na nhê	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-3	18/10/2010	21/11/2010
80	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	7	12	2	111	F5.8(Cô na nhê	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-4	18/10/2010	21/11/2010
81	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	1	6	7	111	F5.8(Cô na nhê	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-1	18/10/2010	21/11/2010
82	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	7	12	7	111	F5.8(Cô na nhê	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10-2	18/10/2010	21/11/2010
83	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	1	6	3	111	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	CDTP10-2	18/10/2010	21/11/2010
84	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	7	12	3	111	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	CDTP10-3	18/10/2010	21/11/2010
85	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	7	12	5	111	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	CDTP10-1	18/10/2010	21/11/2010
86	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	1	6	CN	111	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	CDTP10-4	18/10/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
87	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	1	6	3	111	F6.7(Ph òng vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	CDTP10-1	18/10/2010	21/11/2010
88	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	7	12	3	111	F6.7(Ph òng vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	CDTP10-2	18/10/2010	21/11/2010
89	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	1	6	5	111	F6.7(Ph òng vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	CDTP10-3	18/10/2010	21/11/2010
90	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	7	12	5	111	F6.7(Ph òng vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	CDTP10-4	18/10/2010	21/11/2010
91	1105001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	1105001	2	7	11	CN	79	K1.06	01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	CDTP10K	30/08/2010	14/11/2010
92	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	1	5	2	79	K3.06	01350012	Đỗ Viết Phương	LT	CDTP10K	30/08/2010	03/10/2010
93	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	7	12	2	79	K14	TG11030005	Nguyễn Võ Phú Thuận	TH	CDTP10K-1	06/09/2010	17/10/2010
94	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	1	6	4	79	K14	TG11030005	Nguyễn Võ Phú Thuận	TH	CDTP10K-2	06/09/2010	17/10/2010
95	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	7	12	4	79	K14	TG11030005	Nguyễn Võ Phú Thuận	TH	CDTP10K-3	06/09/2010	17/10/2010
96	1105011	Đồ án học phần	1105011	1				79				TH	CDTP10K-3	30/08/2010	14/11/2010
97	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	79		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP10K	23/09/2010	23/09/2010
98	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	79		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP10K	21/10/2010	21/10/2010
99	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	79		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP10K	18/11/2010	18/11/2010
100	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	7	12	2	79		TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	CDTP10K-2	06/09/2010	17/10/2010
101	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	1	6	4	79		TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	CDTP10K-3	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
102	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	7	12	4	79		TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	CDTP10K-1	06/09/2010	17/10/2010
103	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	3	79	K14	TG11030005	Nguyễn Võ Phú Thuận	TH	CDTP10K-1	06/09/2010	21/11/2010
104	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	7	12	3	79	K14	TG11030005	Nguyễn Võ Phú Thuận	TH	CDTP10K-2	06/09/2010	21/11/2010
105	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	5	79	K14	TG11030005	Nguyễn Võ Phú Thuận	TH	CDTP10K-3	06/09/2010	21/11/2010
106	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	1	6	4	79	F5.2(Cô na nhê)	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10K-3	18/10/2010	21/11/2010
107	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	7	12	4	79	F5.2(Cô na nhê)	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10K-3	18/10/2010	21/11/2010
108	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	1	6	6	79	F5.2(Cô na nhê)	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10K-1	18/10/2010	21/11/2010
109	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	7	12	6	79	F5.2(Cô na nhê)	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10K-1	18/10/2010	21/11/2010
110	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	1	6	CN	79	F5.2(Cô na nhê)	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10K-2	18/10/2010	21/11/2010
111	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	7	12	CN	79	F5.2(Cô na nhê)	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	TH	CDTP10K-2	18/10/2010	21/11/2010
112	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	1	6	3	79		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10K-1	06/09/2010	17/10/2010
113	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	7	12	3	79		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10K-2	06/09/2010	17/10/2010
114	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	1	6	5	79		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10K-3	06/09/2010	17/10/2010
115	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	1	6	6	79	K14	TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	CDTP10K-1	06/09/2010	17/10/2010
116	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	1	6	7	79	K14	TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	CDTP10K-2	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
117	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	7	12	7	79	K14	TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	CDTP10K-3	06/09/2010	17/10/2010
118	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	1	6	5	79		TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	CDTP10K-1	06/09/2010	17/10/2010
119	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	1	6	6	79		TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	CDTP10K-2	06/09/2010	17/10/2010
120	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	7	12	6	79		TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	CDTP10K-3	06/09/2010	17/10/2010
121	1105001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	1105001	2	4	6	4	42	A3.07	01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	CDTP10TB	30/08/2010	14/11/2010
122	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	1	3	6	42	T3.04	01350012	Đỗ Viết Phương	LT	CDTP10TB	30/08/2010	03/10/2010
123	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	1	6	6	42	F5.5(Cô na nhê)	01350012	Đỗ Viết Phương	TH	CDTP10TB	04/10/2010	14/11/2010
124	1105052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, cacao	1105052	2	7	12	6	42	F5.5(Cô na nhê)	01350012	Đỗ Viết Phương	TH	CDTP10TB	04/10/2010	14/11/2010
125	1105011	Đồ án học phần	1105011	1				42				TH	CDTP10TB	30/08/2010	14/11/2010
126	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	42		01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	LT	CDTP10TB	26/09/2010	26/09/2010
127	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	42		01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	LT	CDTP10TB	24/10/2010	24/10/2010
128	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	42		01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	LT	CDTP10TB	14/11/2010	14/11/2010
129	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	1	6	6	42	F5.4(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	CDTP10TB-1	18/10/2010	21/11/2010
130	1105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	1105046	1	7	11	6	42	F5.4(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	CDTP10TB-2	18/10/2010	21/11/2010
131	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	1	6	4	42	F5.4(Cô na nhê)	01140010	Nguyễn Thị M. Hương	TH	CDTP10TB-2	06/09/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
132	1105034	Thực hành Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản	1105034	2	7	12	4	42	F5.5(Cô na nhê	01140010	Nguyễn Thị M. Hương	TH	CDTP10TB-1	06/09/2010	21/11/2010
133	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	1	6	2	42	F5.2(Cô na nhê	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	TH	CDTP10TB-1	18/10/2010	21/11/2010
134	1105036	Thực hành Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1105036	1	7	12	2	42	F5.2(Cô na nhê	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	TH	CDTP10TB-2	18/10/2010	21/11/2010
135	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	1	6	CN	42	F5.8(Cô na nhê	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10TB-2	18/10/2010	21/11/2010
136	1105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	1105032	1	7	12	CN	42	F5.8(Cô na nhê	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	TH	CDTP10TB-1	18/10/2010	21/11/2010
137	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	1	6	4	42	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	CDTP10TB-1	06/09/2010	17/10/2010
138	1105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1105027	1	7	12	4	42	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	CDTP10TB-2	06/09/2010	17/10/2010
139	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	1	6	CN	42	F6.7(Ph ònà vê	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	CDTP10TB-1	06/09/2010	17/10/2010
140	1105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1105017	1	7	12	CN	42	F6.7(Ph ònà vê	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	CDTP10TB-2	06/09/2010	17/10/2010
141	1105008	Kỹ thuật thực phẩm 2	1105008	2	1	3	2	69	A3.04	01140033	Vũ Thị Hoan	LT	CDTP11	30/08/2010	21/11/2010
142	1105009	Kỹ thuật thực phẩm 3	1105009	2	4	6	2	69	A3.04	01140003	Nguyễn Kính	LT	CDTP11	30/08/2010	21/11/2010
143	1113018	Logic học	1113018	2	7	9	6	69	V14.02	01180016	Nguyễn Đình Tùng	LT	CDTP11	30/08/2010	21/11/2010
144	1105020	Phân tích thực phẩm	1105020	3	7	11	7	69	V14.01	01330009	Nguyễn Đức Vượng	LT	CDTP11	30/08/2010	14/11/2010
145	1107040	Quản trị doanh nghiệp	1107040	2	4	6	5	69	A6.03	01160021	Phạm Đình Tịnh	LT	CDTP11	30/08/2010	14/11/2010
146	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	7	69		01330009	Nguyễn Đức Vượng	LT	CDTP11	25/09/2010	25/09/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
147	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	7	69		01330009	Nguyễn Đức Vương	LT	CDTP11	23/10/2010	23/10/2010
148	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	7	69		01330009	Nguyễn Đức Vương	LT	CDTP11	13/11/2010	13/11/2010
149	1105013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1105013	1	7	11	3	69	F4.3(Hóa Sinh)	01140034	Nguyễn Thị Trang	TH	CDTP11-1	06/09/2010	17/10/2010
150	1105013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1105013	1	1	5	4	69	F4.3(Hóa Sinh)	01140034	Nguyễn Thị Trang	TH	CDTP11-2	06/09/2010	17/10/2010
151	1105014	Vi sinh thực phẩm	1105014	2	1	3	5	69	V14.05	0199900027	Đào Hồng Hà	LT	CDTP11	30/08/2010	14/11/2010
152	1133068	Kỹ thuật thực phẩm 2	1133068	2	1	5	2	62	K1.04	01270018	Trần Hoài Đức	LT	CDTP11K	30/08/2010	14/11/2010
153	1133069	Kỹ thuật thực phẩm 3	1133069	2	1	5	5	62	K1.04	01270024	Nguyễn Hữu Trung	LT	CDTP11K	30/08/2010	14/11/2010
154	1105020	Phân tích thực phẩm	1105020	3	1	5	3	62	K1.04	01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP11K	30/08/2010	14/11/2010
155	1107040	Quản trị doanh nghiệp	1107040	2	10	12	7	62	K1.04	0499940020	Nguyễn Đức Lộc	LT	CDTP11K	30/08/2010	14/11/2010
156	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	62		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP11K	21/09/2010	21/09/2010
157	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	62		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP11K	19/10/2010	19/10/2010
158	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	62		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	CDTP11K	16/11/2010	16/11/2010
159	1105013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1105013	1	1	5	4	62	K12	01140012	Lê Nhất Tâm	TH	CDTP11K	06/09/2010	17/10/2010
160	1105013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1105013	1	7	11	4	62	K12	01140012	Lê Nhất Tâm	TH	CDTP11K	06/09/2010	17/10/2010
161	1105013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1105013	1	7	11	6	62	K12	01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	TH	CDTP11K	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
162	1105014	Vi sinh thực phẩm	1105014	2	1	5	6	62	K1.04	TAM10305	Giảng viên tạm 5	LT	CDTP11K	30/08/2010	14/11/2010
163	1117045	Hoá học 1	1117045	2	7	11	4	0	V8.04	01270028	Trần T.Lan Anh	LT	CDTP12	18/10/2010	05/12/2010
164	1112007	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	1112007	5	1	5	6	0	D 09.01	01190015	Võ Duy Phán	LT	CDTP12	18/10/2010	12/12/2010
165	1112007	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	1112007	5	1	5	7	0	D 08.01	01190015	Võ Duy Phán	LT	CDTP12	18/10/2010	12/12/2010
166	1112006	Pháp luật đại cương	1112006	2	10	12	6	0	A3.03	09911833	Đinh Thị Hoa	LT	CDTP12	18/10/2010	12/12/2010
167	1113001	Toa'n A1	1113001	3	10	12	5	0	A2.01	01180010	Đỗ Hoài Vũ	LT	CDTP12	18/10/2010	05/12/2010
168	1113001	Toa'n A1	1113001	3	7	9	7	0	A2.03	01180010	Đỗ Hoài Vũ	LT	CDTP12	18/10/2010	05/12/2010
169	1113007	Vật lí 1	1113007	2	7	11	5	0	T5.02	01180015	Nguyễn Kim H. Phúc	LT	CDTP12	18/10/2010	05/12/2010
170	1117045	Hoá học 1	1117045	2	1	5	7	0	K3.02	01270014	Nguyễn T. Cẩm Thạch	LT	CDTP12K	18/10/2010	05/12/2010
171	1112007	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	1112007	5	1	5	4	0	K1.04	01190007	Trương Hoàng Tuấn	LT	CDTP12K	18/10/2010	12/12/2010
172	1112007	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	1112007	5	1	5	5	0	K3.04	01190007	Trương Hoàng Tuấn	LT	CDTP12K	18/10/2010	12/12/2010
173	1112006	Pháp luật đại cương	1112006	2	7	11	4	0	K1.04	0119008	Lê Văn Hùng	LT	CDTP12K	27/09/2010	28/11/2010
174	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	CDTP12K	28/10/2010	28/10/2010
175	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	CDTP12K	26/11/2010	26/11/2010
176	1113001	Toa'n A1	1113001	3	7	11	5	0	K1.04	09911814	Phạm Anh Lộc	LT	CDTP12K	27/09/2010	28/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
177	1113007	Vật lí 1	1113007	2	7	11	6	0	K1.04	01180026	Đỗ Quốc Huy	LT	CDTP12K	27/09/2010	28/11/2010
178	1205028	Bao gói thực phẩm	1205028	2	13	16	7	99	T5.07 KDI	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuần	LT	CDTP7LT	16/08/2010	19/09/2010
179	1205052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	1205052	2	13	16	2	99	T5.06 KDI	01350012	Đỗ Viết Phương	LT	CDTP7LT	16/08/2010	19/09/2010
180	1205018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	1205018	1	13	16	5	99	T5.06 KDI	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	CDTP7LT	30/08/2010	19/09/2010
181	1205082	Những vấn đề mới trong công nghệ thực phẩm	1205082	2	1	5	CN	99	T5.07 KDI	010002	Nguyễn Lệ Hà.	LT	CDTP7LT	30/08/2010	19/09/2010
182	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	99		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	CDTP7LT	12/09/2010	12/09/2010
183	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	99		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	CDTP7LT	10/10/2010	10/10/2010
184	1205027	TH Phụ gia thực phẩm	1205027	1	12	16	3	99	F6.6(Ph u gia và	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	TH	CDTP7LT-3	23/08/2010	03/10/2010
185	1205027	TH Phụ gia thực phẩm	1205027	1	12	16	4	99	F6.6(Ph u gia và	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	TH	CDTP7LT-2	23/08/2010	03/10/2010
186	1205027	TH Phụ gia thực phẩm	1205027	1	12	16	6	99	F6.6(Ph u gia và	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	TH	CDTP7LT-1	23/08/2010	03/10/2010
187	1212008	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1212008	3	13	16	6	165	A3.01	01190025	Nguyễn Thị Chính	LT	CDTP8LT	27/09/2010	25/12/2010
188	1217068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	1217068	2	13	16	4	66	T3.09	0199900057	Lê Văn Nhiều	LT	CDTP8LT	30/08/2010	26/09/2010
189	1217068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	1217068	2	1	5	CN	66	F3.04 (các	0199900057	Lê Văn Nhiều	TH	CDTP8LT-2	30/08/2010	24/10/2010
190	1217068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	1217068	2	7	11	CN	66	F3.04 (các	0199900057	Lê Văn Nhiều	TH	CDTP8LT-1	30/08/2010	24/10/2010
191	1205026	Phụ gia thực phẩm	1205026	2	13	16	4	66	T3.09	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	CDTP8LT	27/09/2010	28/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
192	1213010	Phương pháp tính (Toán chuyên đề 2)	1213010	2	13	16	2	66	T3.09	0199900032	Tôn Thất Q.Nguyên	LT	CDTP8LT	11/10/2010	12/12/2010
193	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	66		01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	CDTP8LT	26/09/2010	26/09/2010
194	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	66		01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	CDTP8LT	24/10/2010	24/10/2010
195	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	66		01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	CDTP8LT	21/11/2010	21/11/2010
196	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	66		01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	CDTP8LT	19/12/2010	19/12/2010
197	1205023	TH Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	1205023	1	1	6	CN	66	F7.2(Ph ònà	0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	TH	CDTP8LT-1	06/09/2010	17/10/2010
198	1205023	TH Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	1205023	1	7	12	CN	66	F7.2(Ph ònà	0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	TH	CDTP8LT-2	06/09/2010	17/10/2010
199	1213002	Toán A2	1213002	2	13	16	3	66	T3.09	01180010	Đỗ Hoài Vũ	LT	CDTP8LT	30/08/2010	24/10/2010
200	1212005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1212005	2	13	16	6	165	A3.01	01190007	Trương Hoàng Tuấn	LT	CDTP8LT	05/07/2010	25/09/2010
201	1213008	Vật lí 2	1213008	2	13	16	5	66	T3.09	0199900030	Lê Ngọc Cẩn	LT	CDTP8LT	30/08/2010	14/11/2010
202	2105063	Công nghệ sau thu hoạch	2105063	3	10	12	3	93	A3.02	01920012	Trịnh Xuân Ngọ	LT	DHSH3	30/08/2010	14/11/2010
203	2105181	Nông Học đại cương	2105181	3	7	9	3	93	A3.02	01920012	Trịnh Xuân Ngọ	LT	DHSH3-1	30/08/2010	14/11/2010
204	2105181	Nông Học đại cương	2105181	3	10	12	7	93	T5.01 KDI	01920012	Trịnh Xuân Ngọ	LT	DHSH3-1	30/08/2010	14/11/2010
205	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	93		0199900043	Trần Đức Việt	LT	DHSH3	27/09/2010	27/09/2010
206	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	93		0199900043	Trần Đức Việt	LT	DHSH3	25/10/2010	25/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
207	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	93		0199900043	Trần Đức Việt	LT	DHSH3	15/11/2010	15/11/2010
208	2105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	2105129	1	1	5	4	93	F4.05(C ôna	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	DHSH3-1	06/09/2010	17/10/2010
209	2105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	2105129	1	7	11	4	93	F4.05(C ôna	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	DHSH3-2	06/09/2010	17/10/2010
210	2105129	Thực hành Công nghệ vi sinh ứng dụng	2105129	1	1	5	7	93	F4.05(C ôna	09900069	Bùi Hồng Quân	TH	DHSH3-1	06/09/2010	17/10/2010
211	2105186	Thực hành di truyền cơ sở.	2105186	1	1	5	5	93	F6.4(Sin h học	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	DHSH3-2	06/09/2010	17/10/2010
212	2105186	Thực hành di truyền cơ sở.	2105186	1	7	11	5	93	F6.4(Sin h học	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	DHSH3-3	06/09/2010	17/10/2010
213	2105186	Thực hành di truyền cơ sở.	2105186	1	1	5	6	93	F6.4(Sin h học	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	DHSH3-1	06/09/2010	17/10/2010
214	2105127	Thực hành kỹ thuật di truyền	2105127	1	1	5	4	93	F6.4(Sin h học	TAM10301	Giảng viên tạm 1	TH	DHSH3-2	18/10/2010	21/11/2010
215	2105127	Thực hành kỹ thuật di truyền	2105127	1	7	11	4	93	F6.4(Sin h học	TAM10301	Giảng viên tạm 1	TH	DHSH3-3	18/10/2010	21/11/2010
216	2105127	Thực hành kỹ thuật di truyền	2105127	1	1	5	7	93	F6.4(Sin h học	TAM10301	Giảng viên tạm 1	TH	DHSH3-1	18/10/2010	21/11/2010
217	2105142	Thực hành Kỹ thuật trồng và chế biến nấm ăn	2105142	1	1	5	2	93	F6.2(Cô na nhê	0199900043	Trần Đức Việt	TH	DHSH3-1	06/09/2010	17/10/2010
218	2105142	Thực hành Kỹ thuật trồng và chế biến nấm ăn	2105142	1	7	11	2	93	F6.2(Cô na nhê	0199900043	Trần Đức Việt	TH	DHSH3-2	06/09/2010	17/10/2010
219	2105142	Thực hành Kỹ thuật trồng và chế biến nấm ăn	2105142	1	1	5	3	93	F6.2(Cô na nhê	0199900043	Trần Đức Việt	TH	DHSH3-3	06/09/2010	17/10/2010
220	2105180	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy	2105180	2	7	9	7	93	A3.02	TAM10307	Giảng viên tạm 7	LT	DHSH3	30/08/2010	21/11/2010
221	2105130	Công nghệ enzym	2105130	2	4	6	3	96	A3.02	01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	DHSH4	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
222	2105120	Công nghệ Sinh học động vật	2105120	2	1	3	6	96	V8.04	0199900239	Trần Hoàng Dũng	LT	DHSH4	30/08/2010	14/11/2010
223	2105122	Công nghệ Sinh học thực vật	2105122	2	4	6	6	96	A3.02	01140018	Trịnh Ngọc Nam	LT	DHSH4	30/08/2010	14/11/2010
224	2105114	Lý sinh học đại cương	2105114	2	1	3	3	96	V8.03	0199900239	Trần Hoàng Dũng	LT	DHSH4	30/08/2010	14/11/2010
225	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	4	96		01140018	Trịnh Ngọc Nam	LT	DHSH4	22/09/2010	22/09/2010
226	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	4	96		01140018	Trịnh Ngọc Nam	LT	DHSH4	20/10/2010	20/10/2010
227	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	4	96		01140018	Trịnh Ngọc Nam	LT	DHSH4	17/11/2010	17/11/2010
228	2105110	Thực hành Hoá sinh 2	2105110	1	1	5	2	96	F4.3(Hóa Sinh)	01140029	Lâm Khắc Kỳ	TH	DHSH4-1	06/09/2010	17/10/2010
229	2105110	Thực hành Hoá sinh 2	2105110	1	7	11	2	96	F4.3(Hóa Sinh)	01140029	Lâm Khắc Kỳ	TH	DHSH4-2	06/09/2010	17/10/2010
230	2105110	Thực hành Hoá sinh 2	2105110	1	1	5	4	96	F4.3(Hóa Sinh)	01140029	Lâm Khắc Kỳ	TH	DHSH4-3	06/09/2010	17/10/2010
231	2105117	Thực hành Sinh học chức năng động vật	2105117	1	7	11	4	96	F6.3(Cô nh nhê)	TG11030007	Trần Thị Phương Nhung	TH	DHSH4-2	06/09/2010	17/10/2010
232	2105117	Thực hành Sinh học chức năng động vật	2105117	1	1	5	5	96	F6.3(Cô nh nhê)	TG11030007	Trần Thị Phương Nhung	TH	DHSH4-3	06/09/2010	17/10/2010
233	2105117	Thực hành Sinh học chức năng động vật	2105117	1	7	11	5	96	F6.3(Cô nh nhê)	TG11030007	Trần Thị Phương Nhung	TH	DHSH4-1	06/09/2010	17/10/2010
234	2105119	Thực hành Sinh học chức năng thực vật	2105119	1	7	11	4	96		01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	DHSH4-1	18/10/2010	21/11/2010
235	2105119	Thực hành Sinh học chức năng thực vật	2105119	1	1	5	5	96		01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	DHSH4-2	18/10/2010	21/11/2010
236	2105119	Thực hành Sinh học chức năng thực vật	2105119	1	7	11	5	96		01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	DHSH4-3	18/10/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
237	2105125	Thực hành Sinh học phân tử.	2105125	1	1	5	2	96	F4.04(Sinh học)	TAM10301	Giảng viên tạm 1	TH	DHSH4-2	06/09/2010	17/10/2010
238	2105125	Thực hành Sinh học phân tử.	2105125	1	7	11	2	96	F4.04(Sinh học)	TAM10301	Giảng viên tạm 1	TH	DHSH4-3	06/09/2010	17/10/2010
239	2105125	Thực hành Sinh học phân tử.	2105125	1	1	5	4	96	F4.04(Sinh học)	TAM10301	Giảng viên tạm 1	TH	DHSH4-1	06/09/2010	17/10/2010
240	2105112	Thực hành Vi sinh đại cương	2105112	2	1	5	2	96	F4.7(Vi Sinh 2)	01140018	Trịnh Ngọc Nam	TH	DHSH4-3	06/09/2010	17/10/2010
241	2105112	Thực hành Vi sinh đại cương	2105112	2	7	11	2	96	F4.7(Vi Sinh 2)	01140018	Trịnh Ngọc Nam	TH	DHSH4-1	06/09/2010	17/10/2010
242	2105112	Thực hành Vi sinh đại cương	2105112	2	1	5	4	96	F4.7(Vi Sinh 2)	01140018	Trịnh Ngọc Nam	TH	DHSH4-2	06/09/2010	17/10/2010
243	2105112	Thực hành Vi sinh đại cương	2105112	2	7	11	4	96	F4.7(Vi Sinh 2)	01140018	Trịnh Ngọc Nam	TH	DHSH4-3	06/09/2010	17/10/2010
244	2105112	Thực hành Vi sinh đại cương	2105112	2	1	5	CN	96	F4.7(Vi Sinh 2)	01140018	Trịnh Ngọc Nam	TH	DHSH4-2	06/09/2010	17/10/2010
245	2105112	Thực hành Vi sinh đại cương	2105112	2	7	11	CN	96	F4.7(Vi Sinh 2)	01140018	Trịnh Ngọc Nam	TH	DHSH4-1	06/09/2010	17/10/2010
246	2105107	Hoá sinh 1 (Hoá sinh tĩnh)	2105107	2	10	12	6	84	A6.04	01140029	Lâm Khắc Kỳ	LT	DHSH5	30/08/2010	14/11/2010
247	2112006	Pháp luật đại cương	2112006	2	1	3	6	84	A6.01	09911833	Đinh Thị Hoa	LT	DHSH5	30/08/2010	14/11/2010
248	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	84		01360056	Nguyễn Thành Sum	LT	DHSH5	23/09/2010	23/09/2010
249	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	84		01360056	Nguyễn Thành Sum	LT	DHSH5	21/10/2010	21/10/2010
250	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	84		01360056	Nguyễn Thành Sum	LT	DHSH5	18/11/2010	18/11/2010
251	2110023	Tâm lí học đại cương	2110023	2	4	6	6	84	V8.04	01180018	Nguyễn Thu Hà.	LT	DHSH5	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
252	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	2113021	1	1	5	3	84	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHS5-1	18/10/2010	21/11/2010
253	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	2113021	1	6	10	3	84	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHS5-2	18/10/2010	21/11/2010
254	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	2113021	1	1	5	5	84	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHS5-3	18/10/2010	21/11/2010
255	2104228	Thực hành Hóa phân tích	2104228	1	1	5	3	84	F6.8(Ph ònà	TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	TH	DHS5-1	06/09/2010	17/10/2010
256	2104228	Thực hành Hóa phân tích	2104228	1	7	11	3	84	F6.8(Ph ònà	TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	TH	DHS5-2	06/09/2010	17/10/2010
257	2104228	Thực hành Hóa phân tích	2104228	1	1	5	5	84	F6.8(Ph ònà	01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	TH	DHS5-3	06/09/2010	17/10/2010
258	2105104	Thực hành Sinh học đại cương	2105104	1	7	11	3	84	F6.4(Sin h học	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	DHS5-2	18/10/2010	21/11/2010
259	2105104	Thực hành Sinh học đại cương	2105104	1	1	5	5	84	F6.4(Sin h học	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	DHS5-3	18/10/2010	21/11/2010
260	2105104	Thực hành Sinh học đại cương	2105104	1	1	5	7	84	F6.4(Sin h học	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	DHS5-1	18/10/2010	21/11/2010
261	2205101	Anh văn chuyên ngành sinh học	2205101	2	13	16	3	72	V8.03	01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	DHS5LT	30/08/2010	31/10/2010
262	2205126	Di truyền và kỹ thuật di truyền	2205126	2	13	16	4	72	V13.05	TAM10301	Giảng viên tạm 1	LT	DHS5LT	30/08/2010	31/10/2010
263	2205113	Đồ án học phần	2205113	2				72		01350008	Văn Hồng Thiện	LT	DHS5LT	30/08/2010	14/11/2010
264	2205114	Lý sinh học đại cương	2205114	2	13	16	4	72	V13.05	0199900239	Trần Hoàng Dũng	LT	DHS5LT	01/11/2010	30/12/2010
265	2205181	Nông học đại cương	2205181	2	13	16	3	72	V13.05	01920012	Trịnh Xuân Ngọ	LT	DHS5LT	01/11/2010	30/12/2010
266	2213010	Phương pháp tính (Toán chuyên đề 2)	2213010	2	13	16	6	72	V13.05	0199900032	Tôn Thất Q. Nguyễn	LT	DHS5LT	01/11/2010	30/12/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
267	2205105	Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	2205105	3	13	16	2	72	V13.05	01140033	Vũ Thị Hoan	LT	DHSH5LT	30/08/2010	14/11/2010
268	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	72		0199900043	Trần Đức Việt	LT	DHSH5LT	26/09/2010	26/09/2010
269	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	72		01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	DHSH5LT	24/10/2010	24/10/2010
270	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	72		01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	DHSH5LT	28/11/2010	28/11/2010
271	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	72		01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	DHSH5LT	20/12/2010	20/12/2010
272	2205131	Thực hành công nghệ enzym	2205131	1	12	16	5	72	F4.05(Cô ònà)	01350007	Lưu Thảo Nguyên	TH	DHSH5LT-1	25/10/2010	12/12/2010
273	2205131	Thực hành công nghệ enzym	2205131	1	12	16	7	72	F4.05(Cô ònà)	01350007	Lưu Thảo Nguyên	TH	DHSH5LT-2	25/10/2010	12/12/2010
274	2205131	Thực hành công nghệ enzym	2205131	1	1	5	CN	72	F4.05(Cô ònà)	01350007	Lưu Thảo Nguyên	TH	DHSH5LT-3	25/10/2010	12/12/2010
275	2205142	Thực hành Kỹ thuật trồng và chế biến nấm ăn	2205142	1	12	16	5	72	F6.2(Cô ònà nhê)	0199900043	Trần Đức Việt	TH	DHSH5LT	06/09/2010	24/10/2010
276	2205142	Thực hành Kỹ thuật trồng và chế biến nấm ăn	2205142	1	12	16	7	72	F6.2(Cô ònà nhê)	0199900043	Trần Đức Việt	TH	DHSH5LT-2	06/09/2010	24/10/2010
277	2205142	Thực hành Kỹ thuật trồng và chế biến nấm ăn	2205142	1	1	5	CN	72	F6.2(Cô ònà nhê)	0199900043	Trần Đức Việt	TH	DHSH5LT-3	06/09/2010	24/10/2010
278	2213011	Xác suất thống kê (Toán chuyên đề 1)	2213011	2	13	16	6	72	V13.05	01180022	Phan Minh Chính	LT	DHSH5LT	30/08/2010	30/10/2010
279	2104045	Hóa học 1	2104045	3	1	3	4	0	A1.01	01130002	Hà Văn Hồng	LT	DHSH6	27/09/2010	14/11/2010
280	2104045	Hóa học 1	2104045	3	7	9	6	0	A2.03	01130002	Hà Văn Hồng	LT	DHSH6	27/09/2010	14/11/2010
281	2112007	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	2112007	5	1	5	2	0	V8.05	01190001	Nguyễn Mạnh Cường	LT	DHSH6	27/09/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
282	2112007	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	2112007	5	1	5	3	0	V8.05	01190001	Nguyễn Mạnh Cường	LT	DHS6	27/09/2010	14/11/2010
283	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	0		01140029	Lâm Khắc Kỳ	LT	DHS6	18/10/2010	18/10/2010
284	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	0		01140029	Lâm Khắc Kỳ	LT	DHS6	08/11/2010	08/11/2010
285	2407111081	Anh văn 2	2407111081	3	13	16	3	46	B2.01 GDTX			LT	DHTP2TLT	30/08/2010	14/11/2010
286	2405018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	2405018	2	13	16	6	46	B2.01 GDTX	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	31/10/2010
287	2404068	Kỹ thuật đo lường và tự động hoá.	2404068	2	12	16	7	46	F3.01(Kỹ thuật	01270032	Trương Văn Minh	TH	DHTP2TLT-2	27/09/2010	14/11/2010
288	2404068	Kỹ thuật đo lường và tự động hoá.	2404068	2	12	16	7	46	F3.04 (các	0199900210	Bùi Tấn Nghĩa	TH	DHTP2TLT-1	27/09/2010	14/11/2010
289	2404068	Kỹ thuật đo lường và tự động hoá.	2404068	2	13	16	7	46	B2.01 GDTX	01270021	Võ Thanh Hường	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	26/09/2010
290	2405008	Kỹ thuật thực phẩm 2	2405008	2	13	16	2	46	B2.01 GDTX	0199900184	Lê Nhất Thống	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	31/10/2010
291	2405009	Kỹ thuật thực phẩm 3	2405009	2	13	16	4	46	B2.01 GDTX	01140003	Nguyễn Kính	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	31/10/2010
292	2407131018	Logic học	2407131018	2	13	16	5	46	B2.01 GDTX	09911815	Bùi Văn Liêm	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	31/10/2010
293	2405026	Phụ gia thực phẩm	2405026	2	1	5	CN	46	T3.02	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	24/10/2010
294	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	46		01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	DHTP2TLT	26/09/2010	26/09/2010
295	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	46		01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	DHTP2TLT	24/10/2010	24/10/2010
296	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	46		01140015	Phạm Mỹ Hào	LT	DHTP2TLT	14/11/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
297	2405016	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2405016	2	7	11	CN	46	T3.04	01140015	Phạm Mỹ Hào	LT	DHTP2TLT	30/08/2010	17/10/2010
298	2105018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	2105018	2	7	9	7	109	V14.04	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP3	30/08/2010	14/11/2010
299	2105061	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2105061	2	10	12	7	109	V14.04	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP3	30/08/2010	26/09/2010
300	2105061	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2105061	2	10	12	7	109	V14.04	01140016	Nguyễn Bá Thanh	LT	DHTP3	27/09/2010	17/10/2010
301	2105061	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2105061	2	10	12	7	109	V14.04	01140001	Đàm Sao Mai	LT	DHTP3	18/10/2010	14/11/2010
302	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	7	109		01140016	Nguyễn Bá Thanh	LT	DHTP3	25/09/2010	25/09/2010
303	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	7	109		01140016	Nguyễn Bá Thanh	LT	DHTP3	23/10/2010	23/10/2010
304	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	7	109		01140016	Nguyễn Bá Thanh	LT	DHTP3	19/11/2010	19/11/2010
305	2105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	2105046	1	1	6	2	109	F5.6(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
306	2105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	2105046	1	7	12	2	109	F5.6(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
307	2105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	2105046	1	1	6	3	109	F5.6(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010
308	2105046	TH Công nghệ sản xuất bánh kẹo	2105046	1	7	12	3	109	F5.6(Cô na nhê)	01140020	Hồ Xuân Hương	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
309	2105025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2105025	1	1	5	3	109	F3.02(C ác QTTB)	01140033	Vũ Thị Hoan	TH	DHTP3-4	30/08/2010	14/11/2010
310	2105025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2105025	1	1	5	5	109	F3.02(C ác QTTB)	01140033	Vũ Thị Hoan	TH	DHTP3-2	30/08/2010	14/11/2010
311	2105025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2105025	1	7	11	5	109	F3.02(C ác QTTB)	01140033	Vũ Thị Hoan	TH	DHTP3-3	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
312	2105025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2105025	1	1	5	CN	109	F3.05(Q TTB)	01140033	Vũ Thị Hoan	TH	DHTP3-1	30/08/2010	14/11/2010
313	2105036	Thực hành Công nghệ CB thủy sản, súc sản	2105036	1	1	6	4	109	F5.2(Cô na nhê)	010002	Nguyễn Lệ Hà.	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
314	2105036	Thực hành Công nghệ CB thủy sản, súc sản	2105036	1	7	12	4	109	F5.2(Cô na nhê)	010002	Nguyễn Lệ Hà.	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
315	2105036	Thực hành Công nghệ CB thủy sản, súc sản	2105036	1	1	6	6	109	F5.3(Cô na nhê)	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010
316	2105036	Thực hành Công nghệ CB thủy sản, súc sản	2105036	1	7	12	6	109	F5.2(Cô na nhê)	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
317	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	1	6	3	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
318	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	7	12	3	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
319	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	1	6	4	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
320	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	7	12	4	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
321	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	1	6	5	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010
322	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	7	12	5	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
323	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	1	6	6	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
324	2105032	Thực hành Công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và	2105032	2	7	12	6	109	F5.8(Cô na nhê)	01140031	Trần T. Mai Anh	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010
325	2105023	Thực hành Đánh giá chất lượng cảm quan thực	2105023	1	1	6	3	109	F7.2(Ph òn)	0199900080	Phan Thụy Xuân yên	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
326	2105023	Thực hành Đánh giá chất lượng cảm quan thực	2105023	1	7	12	3	109	F7.2(Ph òn)	0199900080	Phan Thụy Xuân yên	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
327	2105023	Thực hành Đánh giá chất lượng cảm quan thực	2105023	1	1	6	5	109	F7.2(Ph òn)	0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
328	2105023	Thực hành Đánh giá chất lượng cảm quan thực	2105023	1	7	12	5	109	F7.2(Ph òn)	0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
329	2105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	2105027	1	1	6	3	109	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
330	2105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	2105027	1	7	12	3	109	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
331	2105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	2105027	1	7	12	5	109	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010
332	2105027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	2105027	1	1	6	CN	109	F6.6(Ph u gia và	01140017	Ng T.Hoàng Yến	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
333	2105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2105017	1	1	6	4	109	F6.7(Ph òn vệ	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	DHTP3-3	06/09/2010	17/10/2010
334	2105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2105017	1	7	12	4	109	F6.7(Ph òn vệ	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	DHTP3-4	06/09/2010	17/10/2010
335	2105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2105017	1	1	6	6	109	F6.7(Ph òn vệ	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	DHTP3-1	06/09/2010	17/10/2010
336	2105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2105017	1	7	12	6	109	F6.7(Ph òn vệ	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	DHTP3-2	06/09/2010	17/10/2010
337	2404053	Hóa lý.	2404053	2	13	16	3	51	B2.02 GDTX	01130011	Trần Hữu Hải	LT	DHTP3TLT	30/08/2010	14/11/2010
338	2413012	Qui hoạch tuyến tính (Toán chuyên đề 4)	2413012	2	13	16	5	51	B2.02 GDTX	01290069	Nguyễn Ngọc Chương	LT	DHTP3TLT	30/08/2010	14/11/2010
339	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	51		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	DHTP3TLT	26/09/2010	26/09/2010
340	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	51		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	DHTP3TLT	24/10/2010	24/10/2010
341	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	51		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	DHTP3TLT	14/11/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
342	2403502	Vẽ kỹ thuật	2403502	2	13	16	7	51	B2.02 GDTX	01110013	Nguyễn Hữu Thường	LT	DHTP3TLT	30/08/2010	14/11/2010
343	2105022	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	2105022	2	10	12	4	123	A6.04	0199900080	Phan Thụy Xuân uyên	LT	DHTP4	30/08/2010	21/11/2010
344	2112006	Pháp luật đại cương	2112006	2	7	9	2	123	X11.06 KTN	09911833	Đinh Thị Hoa	LT	DHTP4	30/08/2010	21/11/2010
345	2105026	Phụ gia thực phẩm	2105026	2	4	6	4	123	T5.05	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	DHTP4	30/08/2010	14/11/2010
346	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	123		01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	DHTP4	26/09/2010	26/09/2010
347	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	123		01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	DHTP4	24/10/2010	24/10/2010
348	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	123		01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	DHTP4	21/11/2010	21/11/2010
349	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	1	6	3	123	F6.9(Ph òna	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	DHTP4-3	06/09/2010	17/10/2010
350	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	7	12	3	123	F6.9(Ph òna	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	DHTP4-4	06/09/2010	17/10/2010
351	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	1	6	5	123	F6.9(Ph òna	09900072	Nguyễn Khắc Kiệt	TH	DHTP4-1	06/09/2010	17/10/2010
352	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	7	12	5	123	F6.9(Ph òna	09900072	Nguyễn Khắc Kiệt	TH	DHTP4-2	06/09/2010	17/10/2010
353	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	1	6	6	123	F6.9(Ph òna	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	DHTP4-3	06/09/2010	17/10/2010
354	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	7	12	6	123	F6.9(Ph òna	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	DHTP4-4	06/09/2010	17/10/2010
355	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	1	6	7	123	F6.9(Ph òna	09900072	Nguyễn Khắc Kiệt	TH	DHTP4-1	06/09/2010	17/10/2010
356	2105021	TH Phân tích thực phẩm	2105021	2	7	12	CN	123	F6.9(Ph òna	09900072	Nguyễn Khắc Kiệt	TH	DHTP4-2	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
357	2105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	2105010	1	1	5	3	123	F3.04 (các	0199900184	Lê Nhất Thống	TH	DHTP4-1	30/08/2010	14/11/2010
358	2105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	2105010	1	7	11	3	123	F3.05(Q TTB	0199900184	Lê Nhất Thống	TH	DHTP4-2	30/08/2010	14/11/2010
359	2105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	2105010	1	1	5	6	123	F3.05(Q TTB	0199900184	Lê Nhất Thống	TH	DHTP4-3	30/08/2010	14/11/2010
360	2105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	2105010	1	7	11	6	123	F3.05(Q TTB	0199900184	Lê Nhất Thống	TH	DHTP4-4	30/08/2010	14/11/2010
361	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	1	5	3	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-1	06/09/2010	17/10/2010
362	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	7	11	3	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-2	06/09/2010	17/10/2010
363	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	1	5	5	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-3	06/09/2010	17/10/2010
364	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	7	11	5	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-4	06/09/2010	17/10/2010
365	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	1	5	6	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-1	06/09/2010	17/10/2010
366	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	7	11	6	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-2	06/09/2010	17/10/2010
367	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	1	5	7	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-3	06/09/2010	17/10/2010
368	2105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2105015	2	7	11	CN	123	F4.6(Vi Sinh 1)	01140026	Trần Thị Huyền	TH	DHTP4-4	06/09/2010	17/10/2010
369	2105003	Vật lý thực phẩm	2105003	2	10	12	2	123	A6.04	01140003	Nguyễn Kính	LT	DHTP4	30/08/2010	14/11/2010
370	2105016	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2105016	2	7	9	7	123	T5.05	01140031	Trần T. Mai Anh	LT	DHTP4	30/08/2010	21/11/2010
371	2111081	Anh văn 2	211108101	3	1	5	2	80	V14.05			LT	DHTP5	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
372	2105012	Hóa sinh thực phẩm	210501202	3	7	11	6	156	A3.04	01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	DHTP5	30/08/2010	21/11/2010
373	2105012	Hóa sinh thực phẩm	210501201	3	7	11	7	156	A6.02	01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	DHTP5	30/08/2010	21/11/2010
374	2105007	Kỹ thuật thực phẩm 1	210500701	2	1	3	4	156	V14.02	01140002	Nguyễn Thạch Minh	LT	DHTP5-1	30/08/2010	14/11/2010
375	2105007	Kỹ thuật thực phẩm 1	210500702	2	4	6	4	156	A3.04	01140002	Nguyễn Thạch Minh	LT	DHTP5-2	30/08/2010	14/11/2010
376	2113012	Qui hoạch tuyến tính (Toán chuyên đề 4)	2113012	2	7	9	2	156	A3.04	0199900063	Bùi Thị Thu Phương	LT	DHTP5	30/08/2010	14/11/2010
377	2113012	Qui hoạch tuyến tính (Toán chuyên đề 4)	2113012	2	10	12	2	156	A3.04	01180004	Đình Văn Ruy	LT	DHTP5	30/08/2010	14/11/2010
378	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	156		01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	LT	DHTP5	19/11/2010	19/11/2010
379	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	7	156		01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	LT	DHTP5	25/09/2010	25/09/2010
380	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	7	156		01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	LT	DHTP5	23/10/2010	23/10/2010
381	2105103	Sinh học đại cương	2105103	3	1	5	6	156	A3.04	0199900043	Trần Đức Việt	LT	DHTP5	30/08/2010	21/11/2010
382	2105103	Sinh học đại cương	2105103	3	1	5	7	156	A3.04	0199900239	Trần Hoàng Dũng	LT	DHTP5	30/08/2010	21/11/2010
383	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	21130217	1	1	5	3	30	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHTP5-1	30/08/2010	17/10/2010
384	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	21130218	1	6	10	3	30	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHTP5-2	30/08/2010	17/10/2010
385	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	21130219	1	1	5	5	30	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHTP5-3	30/08/2010	17/10/2010
386	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	211302110	1	6	10	5	30	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHTP5-4	30/08/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
387	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	211302111	1	1	5	7	30	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHTP5-5	30/08/2010	17/10/2010
388	2113021	Thí nghiệm Vật lí.	211302112	1	6	10	7	30	V09.02	01180025	Vũ Khắc Nam	TH	DHTP5-6	30/08/2010	17/10/2010
389	2113022	Vật lí 3	2113022	2	7	9	4	156	A3.04	01180026	Đỗ Quốc Huy	LT	DHTP5	30/08/2010	21/11/2010
390	2113022	Vật lí 3	2113022	2	10	12	4	156	A6.01	01180026	Đỗ Quốc Huy	LT	DHTP5	30/08/2010	21/11/2010
391	2205001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	2205001	2	1	5	CN	125	A2.01	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP5LT-2	25/10/2010	21/11/2010
392	2205001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	2205001	2	1	5	CN	125	A2.01	010002	Nguyễn Lệ Hà.	LT	DHTP5LT-2	22/11/2010	19/12/2010
393	2205001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	2205001	2	7	11	CN	125	A2.01	010002	Nguyễn Lệ Hà.	LT	DHTP5LT-1	22/11/2010	19/12/2010
394	2205001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	2205001	2	7	11	CN	125	A2.01	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP5LT-1	25/10/2010	21/11/2010
395	2205039	Công nghệ sinh học thực phẩm	2205039	3	12	16	2	125	F4.3(Hóa Sinh)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	DHTP5LT-1	18/10/2010	12/12/2010
396	2205039	Công nghệ sinh học thực phẩm	2205039	3	12	16	4	125	F4.3(Hóa Sinh)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	DHTP5LT-2	18/10/2010	12/12/2010
397	2205039	Công nghệ sinh học thực phẩm	2205039	3	12	16	5	125	F4.3(Hóa Sinh)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	DHTP5LT-3	18/10/2010	12/12/2010
398	2205039	Công nghệ sinh học thực phẩm	2205039	3	7	11	CN	125	F4.3(Hóa Sinh)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	DHTP5LT-4	18/10/2010	12/12/2010
399	2205039	Công nghệ sinh học thực phẩm	2205039	3	7	11	CN	125	A2.01	01140001	Đàm Sao Mai	LT	DHTP5LT	30/08/2010	17/10/2010
400	2205022	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	2205022	2	13	16	6	125	A2.01	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	LT	DHTP5LT	30/08/2010	24/10/2010
401	2205060	Dinh dưỡng học	2205060	2	1	5	CN	125	A2.01	01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	DHTP5LT	30/08/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
402	2205011	Đồ án học phần	2205011	2				125				TH	DHTP5LT-1	30/08/2010	14/11/2010
403	2205011	Đồ án học phần	2205011	2				125				TH	DHTP5LT-2	30/08/2010	14/11/2010
404	2205011	Đồ án học phần	2205011	2				125				TH	DHTP5LT-3	30/08/2010	14/11/2010
405	2205011	Đồ án học phần	2205011	2				125				TH	DHTP5LT-4	30/08/2010	14/11/2010
406	2204068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2204068	2	12	16	4	125	F3.01(K ỹ thuật	0199900231	Nguyễn Tiến Đạt	TH	DHTP5LT-2	27/09/2010	14/11/2010
407	2204068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2204068	2	12	16	4	125	F3.01(K ỹ thuật	0199900184	Lê Nhất Thống	TH	DHTP5LT-4	27/09/2010	14/11/2010
408	2204068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2204068	2	13	16	4	125	A2.01	01270021	Võ Thanh Hường	LT	DHTP5LT	30/08/2010	26/09/2010
409	2204068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2204068	2	12	16	5	125	F3.01(K ỹ thuật	0199900231	Nguyễn Tiến Đạt	TH	DHTP5LT-1	27/09/2010	14/11/2010
410	2204068	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2204068	2	12	16	5	125	F3.01(K ỹ thuật	0199900184	Lê Nhất Thống	TH	DHTP5LT-3	27/09/2010	14/11/2010
411	2205061	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2205061	2	13	16	7	125	A2.01	01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP5LT	30/08/2010	19/09/2010
412	2205061	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2205061	2	13	16	7	125	A2.01	01140016	Nguyễn Bá Thanh	LT	DHTP5LT	20/09/2010	03/10/2010
413	2205061	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2205061	2	13	16	7	125	A2.01	01140001	Đàm Sao Mai	LT	DHTP5LT	04/10/2010	24/10/2010
414	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	125		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	DHTP5LT	26/09/2010	26/09/2010
415	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	125		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	DHTP5LT	24/10/2010	24/10/2010
416	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	125		01140011	Ng .Thị Thanh Bình	LT	DHTP5LT	21/11/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
417	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	CN	125		010002	Nguyễn Lệ Hà.	LT	DHTP5LT	19/12/2010	19/12/2010
418	2205103	Sinh học đại cương	2205103	3	13	16	3	125	A2.02	0199900239	Trần Hoàng Dũng	LT	DHTP5LT	30/08/2010	28/11/2010
419	2205025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2205025	2	12	16	4	125	F3.02(Các QTTB)	01140033	Vũ Thị Hoan	TH	DHTP5LT-2	27/09/2010	30/12/2010
420	2205025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2205025	2	12	16	4	125	F3.02(Các QTTB)	01270032	Trương Văn Minh	TH	DHTP5LT-1	25/10/2010	30/12/2010
421	2205025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2205025	2	12	16	5	125	F3.02(Các QTTB)	01140033	Vũ Thị Hoan	TH	DHTP5LT-3	27/09/2010	30/12/2010
422	2205025	Thực hành Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	2205025	2	12	16	6	125	F3.02(Các QTTB)	01270032	Trương Văn Minh	TH	DHTP5LT-4	25/10/2010	30/12/2010
423	2205055	Thực hành Vật lý thực phẩm	2205055	1	12	17	4	125	F6.6(Phụ gia và	01330009	Nguyễn Đức Vượng	TH	DHTP5LT-2	15/11/2010	26/12/2010
424	2205055	Thực hành Vật lý thực phẩm	2205055	1	12	17	5	125	F6.6(Phụ gia và	01330009	Nguyễn Đức Vượng	TH	DHTP5LT-4	15/11/2010	26/12/2010
425	2205055	Thực hành Vật lý thực phẩm	2205055	1	1	6	CN	125	F6.6(Phụ gia và	01330009	Nguyễn Đức Vượng	TH	DHTP5LT-1	15/11/2010	26/12/2010
426	2205055	Thực hành Vật lý thực phẩm	2205055	1	7	12	CN	125	F6.6(Phụ gia và	01330009	Nguyễn Đức Vượng	TH	DHTP5LT-3	15/11/2010	26/12/2010
427	2104045	Hóa học 1	2104045	3	1	3	6	0	A1.04	01270010	Nguyễn Hữu Sơn	LT	DHTP6	27/09/2010	14/11/2010
428	2104045	Hóa học 1	2104045	3	1	3	CN	0	A1.02	01270010	Nguyễn Hữu Sơn	LT	DHTP6	27/09/2010	14/11/2010
429	2112007	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	2112007	5	1	5	2	0	V8.05	01190001	Nguyễn Mạnh Cường	LT	DHTP6	27/09/2010	14/11/2010
430	2112007	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	2112007	5	1	5	3	0	V8.05	01190001	Nguyễn Mạnh Cường	LT	DHTP6	27/09/2010	14/11/2010
431	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01140020	Hồ Xuân Hương	LT	DHTP6	19/10/2010	19/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
432	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01140020	Hồ Xuân Hương	LT	DHTP6	09/11/2010	09/11/2010
433	2113001	Toán A1	2113001	3	4	6	4	0	A1.01	01180030	Hồ Thị Kim Thanh	LT	DHTP6	27/09/2010	14/11/2010
434	2113001	Toán A1	2113001	3	4	6	6	0	A1.04	01180030	Hồ Thị Kim Thanh	LT	DHTP6	27/09/2010	14/11/2010
435	1405203	Anh văn chuyên ngành dinh dưỡng nâng cao 2	1405203	4	7	11	6	53	A6.03	06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	NCDD2	30/08/2010	21/11/2010
436	1405018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	1405018	2	1	3	7	53	X10.07	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCDD2	30/08/2010	21/11/2010
437	1405223	Đề án học phần	1405223	3				53		01350011	Trần Thị Lê	LT	NCDD2	30/08/2010	14/11/2010
438	1405223	Đề án học phần	1405223	3				53		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	NCDD2	30/08/2010	14/11/2010
439	1405217	Kỹ thuật chế biến các món bánh Á.	1405217	2	7	12	4	53	V15.01(Món Á)	01140028	Ngụy Lệ Hồng	TH	NCDD2-2	06/09/2010	28/11/2010
440	1405217	Kỹ thuật chế biến các món bánh Á.	1405217	2	1	6	5	53	V15.01(Món Á)	01140028	Ngụy Lệ Hồng	TH	NCDD2-1	06/09/2010	28/11/2010
441	1405215	Kỹ thuật chế biến các món bánh truyền thống Việt	1405215	2	1	6	5	53	V15.02(Món Âu)	TAM10302	Giảng viên tạm 2	TH	NCDD2	06/09/2010	28/11/2010
442	1405215	Kỹ thuật chế biến các món bánh truyền thống Việt	1405215	2	7	12	5	53	V15.02(Món Âu)	0199900022	Đinh Ng Phương Thảo	TH	NCDD2	06/09/2010	28/11/2010
443	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	53		06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	NCDD2	08/10/2010	08/10/2010
444	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	53		06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	NCDD2	05/11/2010	05/11/2010
445	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	6	53		06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	NCDD2	10/09/2010	10/09/2010
446	1405015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	1405015	2	1	5	4	53	F4.6(Vi Sinh 1)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	NCDD2-2	06/09/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
447	1405015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	1405015	2	7	11	4	53	F4.6(Vi Sinh 1)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	NCDD2-1	06/09/2010	21/11/2010
448	1405016	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	1405016	2	4	6	7	53	X10.07	01140001	Đàm Sao Mai	LT	NCDD2	30/08/2010	21/11/2010
449	1405225	Xây dựng khẩu phần, thực đơn	1405225	2	7	9	3	53	A3.06	01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	NCDD2	30/08/2010	21/11/2010
450	1405201	Anh văn chuyên ngành dinh dưỡng	1405201	2	7	9	2	94	A4.04	06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	NCDD3	30/08/2010	21/11/2010
451	1405012	Hóa sinh thực phẩm	1405012	3	7	11	5	94	T4.07 KHMT	01140029	Lâm Khắc Kỷ	LT	NCDD3	30/08/2010	21/11/2010
452	1405224	Kỹ năng giao tiếp	1405224	2	10	12	2	94	A4.04	06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	NCDD3	30/08/2010	21/11/2010
453	1405214	Kỹ thuật chế biến các món ăn Việt Nam	1405214	4	1	6	2	94	V15.01(Món Á)	01350011	Trần Thị Lê	TH	NCDD3-3	06/09/2010	21/11/2010
454	1405214	Kỹ thuật chế biến các món ăn Việt Nam	1405214	4	1	6	3	94	V15.01(Món Á)	01350011	Trần Thị Lê	TH	NCDD3-1	06/09/2010	21/11/2010
455	1405214	Kỹ thuật chế biến các món ăn Việt Nam	1405214	4	7	12	3	94	V15.01(Món Á)	01350011	Trần Thị Lê	TH	NCDD3-2	06/09/2010	21/11/2010
456	1405214	Kỹ thuật chế biến các món ăn Việt Nam	1405214	4	1	6	4	94	V15.01(Món Á)	01350011	Trần Thị Lê	TH	NCDD3-3	06/09/2010	21/11/2010
457	1405214	Kỹ thuật chế biến các món ăn Việt Nam	1405214	4	1	6	6	94	V15.01(Món Á)	01350011	Trần Thị Lê	TH	NCDD3-1	06/09/2010	21/11/2010
458	1405214	Kỹ thuật chế biến các món ăn Việt Nam	1405214	4	7	12	7	94	V15.01(Món Á)	01350011	Trần Thị Lê	TH	NCDD3-2	06/09/2010	21/11/2010
459	1405228	Nghiệp vụ nhà hàng	1405228	2	1	3	7	94	V8.02	01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	NCDD3	30/08/2010	21/11/2010
460	1405226	Quản lý ẩm thực	1405226	2	4	6	7	94	V7.03	01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	NCDD3	30/08/2010	21/11/2010
461	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	5	94		019990022	Đinh Ng Phương Thảo	LT	NCDD3	09/09/2010	09/09/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
462	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	5	94		0199900022	Đình Ng Phương Thảo	LT	NCDD3	07/10/2010	07/10/2010
463	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	5	94		0199900022	Đình Ng Phương Thảo	LT	NCDD3	04/11/2010	04/11/2010
464	1412007	Chính trị.	1412007	4	1	4	6	70	A3.03	01190022	Ng T.Minh Phương	LT	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
465	1412007	Chính trị.	1412007	4	1	4	CN	70	A3.01	01190022	Ng T.Minh Phương	LT	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
466	1420997	Giáo dục quốc phòng	1420997	3				0				TH	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
467	1422995	Giáo dục thể chất	1422995	2				0				TH	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
468	1417045	Hóa học 1	1417045	2	7	11	6	0	A4.01	0199900238	Nguyễn Thị Mai Thơ	LT	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
469	1405218	Kỹ thuật cắt tỉa rau, củ, quả.	1405218	2	1	6	3	0	V15.03(Cắt tỉa	0199900022	Đình Ng Phương Thảo	TH	NCDD4-1	27/09/2010	28/11/2010
470	1405218	Kỹ thuật cắt tỉa rau, củ, quả.	1405218	2	1	6	3	0	V15.03(Cắt tỉa	0199900022	Đình Ng Phương Thảo	TH	NCDD4-2	27/09/2010	28/11/2010
471	1405218	Kỹ thuật cắt tỉa rau, củ, quả.	1405218	2	7	12	4	0	V15.03(Cắt tỉa	0199900022	Đình Ng Phương Thảo	TH	NCDD4-3	27/09/2010	28/11/2010
472	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	7	0		01350011	Trần Thị Lê	LT	NCDD4	02/10/2010	02/10/2010
473	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	7	0		01350011	Trần Thị Lê	LT	NCDD4	06/11/2010	06/11/2010
474	1413001	Toán A1	1413001	3	1	5	7	0	D 10.04	09911815	Bùi Văn Liêm	LT	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
475	1413007	Vật lý 1	1413007	2	4	6	6	0	D 10.01KT	01180028	Ngô Quang Huy	LT	NCDD4	28/09/2010	05/12/2010
476	1405101	Anh văn chuyên ngành sinh học	1405101	2	4	6	7	92	V14.03	01350007	Lưu Thảo Nguyên	LT	NCSH2	30/08/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
477	1405063	Công nghệ sau thu hoạch	1405063	2	7	9	2	92	V14.04	01920012	Trịnh Xuân Ngọ	LT	NCSH2	30/08/2010	21/11/2010
478	1405154	Công nghệ sinh học Môi trường	1405154	2	4	6	4	92	V12.05 CAN	01350008	Văn Hồng Thiện	LT	NCSH2	30/08/2010	21/11/2010
479	1405132	Công nghệ sinh học trong chọn, tạo và nhân giống	1405132	2	1	3	6	92	V12.03	01140018	Trịnh Ngọc Nam	LT	NCSH2	30/08/2010	21/11/2010
480	1405181	Nông học đại cương	1405181	2	7	11	3	92	V7.01	0199900043	Trần Đức Việt	LT	NCSH2	30/08/2010	21/11/2010
481	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	92		0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	LT	NCSH2	09/09/2010	09/09/2010
482	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	92		0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	LT	NCSH2	07/10/2010	07/10/2010
483	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	5	92		0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	LT	NCSH2	04/11/2010	04/11/2010
484	1405121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1405121	1	1	5	2	92	F6.3(Cô na nhê)	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	NCSH2-1	06/09/2010	17/10/2010
485	1405121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1405121	1	7	11	7	92	F6.3(Cô na nhê)	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	NCSH2-2	06/09/2010	17/10/2010
486	1405121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1405121	1	1	5	CN	92	F6.3(Cô na nhê)	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	NCSH2-3	06/09/2010	17/10/2010
487	1405121	Thực hành Công nghệ Sinh học động vật	1405121	1	7	11	CN	92	F6.3(Cô na nhê)	0199900242	Lê Trầm Nghĩa Thư	TH	NCSH2-4	06/09/2010	17/10/2010
488	1405123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1405123	1	1	5	5	92	F6.2(Cô na nhê)	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	NCSH2-4	06/09/2010	17/10/2010
489	1405123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1405123	1	7	11	5	92	F6.2(Cô na nhê)	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	NCSH2-1	06/09/2010	17/10/2010
490	1405123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1405123	1	7	11	6	92	F6.2(Cô na nhê)	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	NCSH2-2	06/09/2010	17/10/2010
491	1405123	Thực hành Công nghệ Sinh học thực vật	1405123	1	7	11	7	92	F6.2(Cô na nhê)	01360056	Nguyễn Thành Sum	TH	NCSH2-3	06/09/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
492	1405997	Thực tập tốt nghiệp (phần 1)	1405997	10				92				TH	NCSH2	30/08/2010	14/11/2010
493	1405001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	1405001	2	7	11	5	85	X10.02 KT	01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2A	30/08/2010	14/11/2010
494	1405047	Công nghệ sản xuất và chế biến dầu thực vật	1405047	3	7	11	7	85	T5.04 KDI	01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	NCTP2A	30/08/2010	14/11/2010
495	1405018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	1405018	3	7	11	6	85	A6.01	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP2A	30/08/2010	14/11/2010
496	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	5	85		01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2A	09/09/2010	09/09/2010
497	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	5	85		01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2A	07/10/2010	07/10/2010
498	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	5	85		01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2A	04/11/2010	04/11/2010
499	1405001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	1405001	2	7	10	2	88	T5.07 KDI	01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2B	30/08/2010	14/11/2010
500	1405047	Công nghệ sản xuất và chế biến dầu thực vật	1405047	3	1	5	CN	88	T5.05	01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	NCTP2B	30/08/2010	14/11/2010
501	1405018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	1405018	3	7	11	CN	88	T5.05	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP2B	30/08/2010	14/11/2010
502	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	2	88		01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2B	06/09/2010	06/09/2010
503	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	2	88		01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2B	04/10/2010	04/10/2010
504	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	2	88		01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2B	01/11/2010	01/11/2010
505	1405001	Anh văn chuyên ngành thực phẩm	1405001	2	1	5	CN	65	K2.06	01140027	Nguyễn Thị ái Vân	LT	NCTP2K	30/08/2010	24/10/2010
506	1405047	Công nghệ sản xuất và chế biến dầu thực vật	1405047	3	1	5	5	65	K3.03	01140010	Nguyễn Thị M. Hương	LT	NCTP2K	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
507	1405018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	1405018	3	1	5	3	65	K1.03	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP2K	30/08/2010	14/11/2010
508	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	65		01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	LT	NCTP2K	07/09/2010	07/09/2010
509	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	65		01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	LT	NCTP2K	05/10/2010	05/10/2010
510	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	65		01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	LT	NCTP2K	02/11/2010	02/11/2010
511	1405998	Thực tập tốt nghiệp	1405998	6				65				TH	NCTP2K	30/08/2010	14/11/2010
512	1505028	Bao gói thực phẩm	1505028	3	13	16	5	79	T4.09	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ. Thuận	LT	NCTP2LT	16/08/2010	19/09/2010
513	1505052	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	1505052	3	13	16	4	79	T5.03 KHMT	01350012	Đỗ Viết Phương	LT	NCTP2LT	16/08/2010	19/09/2010
514	1505018	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	1505018	2	13	16	7	79	V14.02	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP2LT	16/08/2010	19/09/2010
515	1505082	Những vấn đề mới trong công nghệ thực phẩm	1505082	1	7	11	CN	79	T4.08	010002	Nguyễn Lệ Hà.	LT	NCTP2LT	30/08/2010	19/09/2010
516	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	79		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP2LT	12/09/2010	12/09/2010
517	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	79		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP2LT	10/10/2010	10/10/2010
518	1505027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1505027	1	12	16	7	79	F6.6(Phụ gia và	TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	NCTP2LT-1	16/08/2010	05/09/2010
519	1505027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1505027	1	1	6	CN	79	F6.6(Phụ gia và	TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	NCTP2LT-2	16/08/2010	05/09/2010
520	1505027	Thực hành Phụ gia thực phẩm	1505027	1	7	12	CN	79	F6.6(Phụ gia và	TG11030006	Đặng Bùi Khuê	TH	NCTP2LT-3	16/08/2010	05/09/2010
521	1405019	Các quá trình cơ bản trong CNCB thực phẩm	1405019	2	7	11	CN	80	T4.10	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3A	30/08/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
522	1405009	Kỹ thuật thực phẩm 3	1405009	2	4	6	7	80	T3.09	01270021	Võ Thanh Hường	LT	NCTP3A	30/08/2010	14/11/2010
523	1405020	Phân tích thực phẩm	1405020	3	7	9	5	80	V13.05	01330009	Nguyễn Đức Vương	LT	NCTP3A	30/08/2010	21/11/2010
524	1405026	Phụ gia thực phẩm	1405026	2	10	12	5	80	A6.03	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3A	30/08/2010	21/11/2010
525	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	80		01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3A	05/09/2010	05/09/2010
526	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	80		01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3A	10/10/2010	10/10/2010
527	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	CN	80		01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3A	07/11/2010	07/11/2010
528	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	1	6	3	80	F6.5(Hóa sinh)	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	NCTP3A-1	06/09/2010	17/10/2010
529	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	1	5	4	80	F6.5(Hóa sinh)	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	NCTP3A-3	06/09/2010	17/10/2010
530	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	7	11	4	80	F6.5(Hóa sinh)	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	NCTP3A-2	06/09/2010	17/10/2010
531	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	10	12	3	80	A6.02	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP3A	30/08/2010	17/10/2010
532	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	1	6	4	80	F7.05 (Tin học)	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	NCTP3A-1	06/09/2010	17/10/2010
533	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	7	12	4	80	F7.05 (Tin học)	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	NCTP3A-3	06/09/2010	17/10/2010
534	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	1	6	CN	80	F7.05 (Tin học)	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	NCTP3A-2	06/09/2010	17/10/2010
535	1405014	Vi sinh thực phẩm	1405014	2	10	12	7	80	A6.03	01140026	Trần Thị Huyền	LT	NCTP3A	30/08/2010	21/11/2010
536	1405019	Các quá trình cơ bản trong CNCB thực phẩm	1405019	2	4	6	3	64	T4.10	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3B	30/08/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
537	1405009	Kỹ thuật thực phẩm 3	1405009	2	1	3	3	64	V7.02	01270018	Trần Hoài Đức	LT	NCTP3B	30/08/2010	14/11/2010
538	1405020	Phân tích thực phẩm	1405020	3	1	3	5	64	T4.08	01330009	Nguyễn Đức Vương	LT	NCTP3B	30/08/2010	21/11/2010
539	1405026	Phụ gia thực phẩm	1405026	2	4	6	5	64	T4.10	01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	NCTP3B	30/08/2010	21/11/2010
540	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	64		TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	LT	NCTP3B	06/09/2010	06/09/2010
541	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	64		TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	LT	NCTP3B	04/10/2010	04/10/2010
542	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	2	64		TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	LT	NCTP3B	01/11/2010	01/11/2010
543	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	1	5	2	64	F6.5(Hóa sinh)	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	NCTP3B-2	06/09/2010	17/10/2010
544	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	7	11	2	64	F6.5(Hóa sinh)	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	NCTP3B-3	06/09/2010	17/10/2010
545	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	7	11	7	64	F6.5(Hóa sinh)	TAM10303	Giảng viên tạm 3	TH	NCTP3B-1	06/09/2010	17/10/2010
546	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	1	6	2	64	F7.05 (Tin học)	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	NCTP3B-1	06/09/2010	17/10/2010
547	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	7	12	2	64	F7.05 (Tin học)	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	NCTP3B-2	06/09/2010	17/10/2010
548	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	1	3	7	64	T3.10	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	LT	NCTP3B	30/08/2010	17/10/2010
549	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	7	12	7	64	F7.05 (Tin học)	TG11030002	Nguyễn Hà Diệu Trang	TH	NCTP3B-3	06/09/2010	17/10/2010
550	1405014	Vi sinh thực phẩm	1405014	2	4	6	7	64	T3.10	01140026	Trần Thị Huyền	LT	NCTP3B	30/08/2010	21/11/2010
551	1405019	Các quá trình cơ bản trong CNCB thực phẩm	1405019	2	1	5	7	92	K2.01	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3K	30/08/2010	17/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
552	1405009	Kỹ thuật thực phẩm 3	1405009	2	7	11	5	92	K3.06	01270032	Trương Văn Minh	LT	NCTP3K	30/08/2010	24/10/2010
553	1405020	Phân tích thực phẩm	1405020	3	7	11	3	92	K2.11	01140012	Lê Nhất Tâm	LT	NCTP3K	30/08/2010	14/11/2010
554	1405026	Phụ gia thực phẩm	1405026	2	7	11	7	92	K2.11	01140008	Lê Văn Nhất Hoài	LT	NCTP3K	30/08/2010	17/10/2010
555	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	3	92		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	NCTP3K	07/09/2010	07/09/2010
556	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	3	92		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	NCTP3K	05/10/2010	05/10/2010
557	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	3	92		01140012	Lê Nhất Tâm	LT	NCTP3K	02/11/2010	02/11/2010
558	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	7	11	5	92	K12	01140012	Lê Nhất Tâm	TH	NCTP3K-1	06/09/2010	17/10/2010
559	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	7	11	6	92	K12	01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	TH	NCTP3K-3	06/09/2010	17/10/2010
560	1405013	Thực hành Hóa sinh thực phẩm	1405013	1	1	6	CN	92	K12	01140012	Lê Nhất Tâm	TH	NCTP3K-2	06/09/2010	17/10/2010
561	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	1	5	2	92	K2.04	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	LT	NCTP3K	30/08/2010	03/10/2010
562	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	7	12	2	92		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	TH	NCTP3K-1	06/09/2010	17/10/2010
563	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	1	6	4	92		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	TH	NCTP3K-2	06/09/2010	17/10/2010
564	1405002	Tin học ứng dụng trong ngành thực phẩm	1405002	2	7	12	4	92		0199900068	Nguyễn Văn Ninh	TH	NCTP3K-3	06/09/2010	17/10/2010
565	1405014	Vi sinh thực phẩm	1405014	2	7	11	6	92	K2.04	TAM10305	Giảng viên tạm 5	LT	NCTP3K	30/08/2010	24/10/2010
566	1412007	Chính trị.	1412007	4	7	10	4	0	D 08.02	0199900011	Trương Thị Chuyền	LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
567	1412007	Chính trị.	1412007	4	7	10	6	0	D 08.02	0199900011	Trương Thị Chuyên	LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010
568	1420997	Giáo dục quốc phòng	1420997	3				0				LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010
569	1422995	Giáo dục thể chất	1422995	2				0				LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010
570	1417045	Hóa học 1	1417045	2	1	5	CN	0	D 12.04	01270028	Trần T.Lan Anh	LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010
571	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	3	0		TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	LT	NCTP4A	02/11/2010	02/11/2010
572	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	3	0		TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	LT	NCTP4A	05/10/2010	05/10/2010
573	1413001	Toán A1	1413001	3	7	10	2	0	D 10.03KT	09911814	Phạm Anh Lộc	LT	NCTP4A-1	28/09/2010	05/12/2010
574	1413001	Toán A1	1413001	3	11	12	7	0	D 11.04	09911814	Phạm Anh Lộc	LT	NCTP4A-1	28/09/2010	05/12/2010
575	1413007	Vật lý 1	1413007	2	7	10	3	0	D 12.04	01180028	Ngô Quang Huy	LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010
576	1403502	Vẽ kỹ thuật	1403502	2	7	10	7	0	D 12.04	TAM10602	Giảng viên tạm 2	LT	NCTP4A	28/09/2010	05/12/2010
577	1412007	Chính trị.	1412007	4	7	10	4	0	D 08.02	0199900011	Trương Thị Chuyên	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
578	1412007	Chính trị.	1412007	4	7	10	6	0	D 08.02	0199900011	Trương Thị Chuyên	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
579	1417045	Hóa học 1	1417045	2	1	5	6	0	D 11.01KT	0199900238	Nguyễn Thị Mai Thơ	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
580	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	4	0		TAM10303	Giảng viên tạm 3	LT	NCTP4B	06/10/2010	06/10/2010
581	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	11	11	4	0		TAM10303	Giảng viên tạm 3	LT	NCTP4B	03/11/2010	03/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
582	1413001	Toán A1	1413001	3	7	9	5	0	D 11.02KT	09911841	Phan Quang Hưng	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
583	1413001	Toán A1	1413001	3	10	12	6	0	D 11.02KT	09911841	Phan Quang Hưng	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
584	1413007	Vật lý 1	1413007	2	1	5	CN	0	D 11.02KT	01180011	Đỗ Văn Đức	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
585	1403502	Vẽ kỹ thuật	1403502	2	1	4	7	0	D 12.04	01110025	Lê Vũ Hải.	LT	NCTP4B	28/09/2010	05/12/2010
586	1412007	Chính trị.	1412007	4	7	11	2	0	K3.06	01190009	Trương Phương Đông	LT	NCTP4K-1	28/09/2010	12/12/2010
587	1412007	Chính trị.	1412007	4	7	11	7	0	K3.06	01190009	Trương Phương Đông	LT	NCTP4K-1	28/09/2010	12/12/2010
588	1417045	Hóa học 1	1417045	2	1	5	3	0	K2.01	01270020	Phùng T.Cẩm Loan	LT	NCTP4K	27/09/2010	21/11/2010
589	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	NCTP4K	08/10/2010	08/10/2010
590	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	NCTP4K	05/11/2010	05/11/2010
591	1413001	Toán A1	1413001	3	7	12	4	0	K2.10	01180022	Phan Minh Chính	LT	NCTP4K	27/09/2010	28/11/2010
592	1413007	Vật lý 1	1413007	2	7	10	5	0	K2.04	01180027	Nguyễn Hữu Thọ.	LT	NCTP4K	27/09/2010	21/11/2010
593	1403502	Vẽ kỹ thuật	1403502	2	7	10	6	0	K1.03	01110025	Lê Vũ Hải.	LT	NCTP4K	27/09/2010	21/11/2010
594	3105202	Anh văn chuyên ngành dinh dưỡng nâng cao 1	3105202	3	7	11	7	53	T3.04	06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	LT	TCDD37	30/08/2010	21/11/2010
595	3105042	Đồ án học phần	3105042	1				53		01140030	Võ T.Thu Thủy	TH	TCDD37-1	06/09/2010	21/11/2010
596	3105042	Đồ án học phần	3105042	1				53		01350011	Trần Thị Lê	TH	TCDD37-2	06/09/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
597	3105213	Kỹ thuật chế biến các món ăn Á.	3105213	1	7	12	2	53	V15.01(Món Á)	01140028	Ngụy Lệ Hồng	TH	TCDD37-1	06/09/2010	21/11/2010
598	3105213	Kỹ thuật chế biến các món ăn Á.	3105213	1	1	6	6	53	V15.01(Món Á)	01140028	Ngụy Lệ Hồng	TH	TCDD37-2	06/09/2010	21/11/2010
599	3105212	Kỹ thuật chế biến các món ăn Âu	3105212	2	1	6	3	53	V15.02(Món Âu)	TG11030004	Hồ Thị Minh Thanh	TH	TCDD37-1	06/09/2010	21/11/2010
600	3105212	Kỹ thuật chế biến các món ăn Âu	3105212	2	7	12	5	53	V15.02(Món Âu)	TG11030004	Hồ Thị Minh Thanh	TH	TCDD37-2	06/09/2010	21/11/2010
601	3105219	Kỹ thuật pha chế thức uống	3105219	2	1	6	5	53	V15.03(Cất tía)	06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	TH	TCDD37-1	06/09/2010	21/11/2010
602	3105219	Kỹ thuật pha chế thức uống	3105219	2	7	12	5	53	V15.03(Cất tía)	06900070	Đặng Trang Viễn Ngọc	TH	TCDD37-2	06/09/2010	21/11/2010
603	3107040	Quản trị doanh nghiệp	3107040	2	4	6	7	53	T4.09	TG180012	Lê Thị Thanh Hương	LT	TCDD37	30/08/2010	21/11/2010
604	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	53		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD37	07/09/2010	07/09/2010
605	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	53		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD37	05/10/2010	05/10/2010
606	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	53		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD37	02/11/2010	02/11/2010
607	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	1	5	3	53	F4.7(Vi Sinh 2)	019990027	Đào Hồng Hà	TH	TCDD37-1	06/09/2010	21/11/2010
608	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	7	11	3	53	F4.7(Vi Sinh 2)	019990027	Đào Hồng Hà	TH	TCDD37-2	06/09/2010	21/11/2010
609	3105207	Thương phẩm học hàng thực phẩm	3105207	2	1	3	7	53	T3.09	01140028	Ngụy Lệ Hồng	LT	TCDD37	30/08/2010	14/11/2010
610	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	4	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCDD38	13/09/2010	28/11/2010
611	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	4	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCDD38	13/09/2010	28/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
612	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	5	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCDD38	13/09/2010	28/11/2010
613	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	5	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCDD38	13/09/2010	28/11/2010
614	3117045	Hóa học 1	3117045	2	1	5	6	0	A3.06	01270028	Trần T.Lan Anh	LT	TCDD38	13/09/2010	28/11/2010
615	3105218	Kỹ thuật cắt tỉa rau, củ, quả.	3105218	2	1	6	2	0	V15.03(Cắt tỉa	TAM10302	Giảng viên tạm 2	TH	TCDD38-1	06/09/2010	17/10/2010
616	3105218	Kỹ thuật cắt tỉa rau, củ, quả.	3105218	2	7	12	2	0	V15.03(Cắt tỉa	0199900022	Đình Ng Phương Thảo	TH	TCDD38-2	06/09/2010	17/10/2010
617	3105218	Kỹ thuật cắt tỉa rau, củ, quả.	3105218	2	1	6	4	0	V15.03(Cắt tỉa	0199900022	Đình Ng Phương Thảo	TH	TCDD38-3	06/09/2010	17/10/2010
618	3105206	Lý thuyết chế biến món ăn	3105206	3	1	5	3	0	A3.07	01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD38	13/09/2010	28/11/2010
619	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD38	14/09/2010	14/09/2010
620	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD38	05/10/2010	05/10/2010
621	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	3	0		01140030	Võ T.Thu Thủy	LT	TCDD38	02/11/2010	02/11/2010
622	3105204	Vẽ mỹ thuật	3105204	2	1	5	5	0	X10.07	01350011	Trần Thị Lê	LT	TCDD38	13/09/2010	07/11/2010
623	3105159	Bệnh học đại cương	3105159	2	1	5	6	22	A3.07	TAM10306	Giảng viên tạm 6	LT	TCSH37	30/08/2010	21/11/2010
624	3105063	Công nghệ sau thu hoạch	3105063	3	1	5	CN	22	T3.01	01920012	Trịnh Xuân Ngọ	LT	TCSH37	30/08/2010	21/11/2010
625	3105120	Công nghệ Sinh học động vật	3105120	2	1	3	3	22	T3.04	0199900242	Lê Trâm Nghĩa Thư	LT	TCSH37	30/08/2010	21/11/2010
626	3105122	Công nghệ Sinh học thực vật	3105122	2	4	6	3	22	T5.05	01360056	Nguyễn Thành Sum	LT	TCSH37	30/08/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
627	3105162	Kiểm dịch động vật	3105162	2	7	11	7	22	A3.07	TAM10306	Giảng viên tạm 6	LT	TCSH37	30/08/2010	17/10/2010
628	3105165	Kiểm dịch thực vật	3105165	2	7	11	7	22	A3.07	TAM10306	Giảng viên tạm 6	LT	TCSH37	18/10/2010	21/11/2010
629	3107040	Quản trị doanh nghiệp	3107040	2	1	3	7	78	A6.01	TG180012	Lê Thị Thanh Hường	LT	TCSH37	30/08/2010	14/11/2010
630	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	22		TAM10306	Giảng viên tạm 6	LT	TCSH37	10/09/2010	10/09/2010
631	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	22		TAM10306	Giảng viên tạm 6	LT	TCSH37	08/10/2010	08/10/2010
632	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	22		TAM10306	Giảng viên tạm 6	LT	TCSH37	05/11/2010	05/11/2010
633	3105081	TH Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	7	11	5	22	F6.8(Ph òn)	01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	TH	TCSH37-1	06/09/2010	21/11/2010
634	3105112	Thực hành Vi sinh đại cương	3105112	1	1	5	5	22	F4.7(Vi Sinh 2)	TAM10305	Giảng viên tạm 5	TH	TCSH37-1	06/09/2010	17/10/2010
635	3112007	Chính trị.	3112007	4	3	6	4	0	D 08.02	01190004	Nguyễn Văn Tư.	LT	TCSH38	13/09/2010	28/11/2010
636	3112007	Chính trị.	3112007	4	1	4	5	0	D 08.02	01190004	Nguyễn Văn Tư.	LT	TCSH38	13/09/2010	28/11/2010
637	3117003	Hóa học 1	3117003	2	7	11	5	0	A3.06	0199900238	Nguyễn Thị Mai Thơ	LT	TCSH38	13/09/2010	14/11/2010
638	3117086	Hóa phân tích	3117086	2	7	11	6	0	A3.05	01270026	Trần Nguyễn An Sa	LT	TCSH38	13/09/2010	28/11/2010
639	3105224	Kỹ năng giao tiếp	3105224	2	7	11	2	0	V7.02	0199900043	Trần Đức Việt	LT	TCSH38	13/09/2010	28/11/2010
640	3105179	Nhập môn Công nghệ Sinh học	3105179	1	11	12	3	0	A3.07	TAM10301	Giảng viên tạm 1	LT	TCSH38	13/09/2010	14/11/2010
641	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	2	0		0199900043	Trần Đức Việt	LT	TCSH38	04/10/2010	04/10/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
642	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	2	0		0199900043	Trần Đức Việt	LT	TCSH38	08/11/2010	08/11/2010
643	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	2	0		0199900043	Trần Đức Việt	LT	TCSH38	13/09/2010	13/09/2010
644	3105103	Sinh học đại cương	3105103	2	7	10	3	0	T3.04	TAM10304	Giảng viên tạm 4	LT	TCSH38	13/09/2010	28/11/2010
645	3105033	Công nghệ bảo quản & chế biến nông sản	3105033	3	7	11	6	74	V14.04	01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	TCTP37A	18/10/2010	14/11/2010
646	3105033	Công nghệ bảo quản & chế biến nông sản	3105033	3	7	11	6	74	V14.04	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	LT	TCTP37A	30/08/2010	17/10/2010
647	3105035	Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	3105035	2	7	11	7	74	V8.02	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuần	LT	TCTP37A	30/08/2010	17/10/2010
648	3105031	Công nghệ sản xuất cồn rượu bia và nước giải khát	3105031	2	1	5	6	74	V9.04	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	TCTP37A	30/08/2010	17/10/2010
649	3105044	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3105044	2	1	5	5	74	T5.07 KDI	01140020	Hồ Xuân Hương	LT	TCTP37A	30/08/2010	17/10/2010
650	3107040	Quản trị doanh nghiệp	3107040	2	4	6	7	93	X11.09 KTN	TG180008	Lê Thị Hương Sen	LT	TCTP37A	30/08/2010	14/11/2010
651	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	74		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	TCTP37A	10/09/2010	10/09/2010
652	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	74		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	TCTP37A	08/10/2010	08/10/2010
653	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	74		01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	TCTP37A	05/11/2010	05/11/2010
654	3105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	3105010	1	1	5	3	74	F3.04 (các)	TAM10901	Giảng viên tạm 1	TH	TCTP37A-1	30/08/2010	14/11/2010
655	3105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	3105010	1	7	11	3	74	F3.04 (các)	TAM10901	Giảng viên tạm 1	TH	TCTP37A-2	30/08/2010	14/11/2010
656	3105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	3105010	1	7	11	4	74	F3.04 (các)	01270015	Nguyễn Văn Bắc	TH	TCTP37A-3	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
657	3105081	Thực hành Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	1	6	2	74	F6.9(Ph ònà	09900072	Nguyễn Khắc Kiệm	TH	TCTP37A-1	06/09/2010	21/11/2010
658	3105081	Thực hành Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	7	12	2	74	F6.9(Ph ònà	09900072	Nguyễn Khắc Kiệm	TH	TCTP37A-3	06/09/2010	21/11/2010
659	3105081	Thực hành Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	1	6	4	74	F6.9(Ph ònà	09900072	Nguyễn Khắc Kiệm	TH	TCTP37A-2	06/09/2010	21/11/2010
660	3105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3105017	1	1	6	2	74	F6.7(Ph ònà vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	TCTP37A-3	18/10/2010	21/11/2010
661	3105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3105017	1	7	12	2	74	F6.7(Ph ònà vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	TCTP37A-1	18/10/2010	21/11/2010
662	3105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3105017	1	7	12	4	74	F6.7(Ph ònà vê	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	TCTP37A-2	18/10/2010	21/11/2010
663	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	7	11	5	74	F4.7(Vi Sinh 2)	01350008	Văn Hồng Thiện	TH	TCTP37A-1	06/09/2010	21/11/2010
664	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	7	11	6	74	F4.7(Vi Sinh 2)	01350008	Văn Hồng Thiện	TH	TCTP37A-2	06/09/2010	21/11/2010
665	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	7	11	7	74	F4.7(Vi Sinh 2)	01350008	Văn Hồng Thiện	TH	TCTP37A-3	06/09/2010	21/11/2010
666	3105033	Công nghệ bảo quản & chế biến nông sản	3105033	3	7	11	4	56	A3.07	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	LT	TCTP37B	30/08/2010	17/10/2010
667	3105033	Công nghệ bảo quản & chế biến nông sản	3105033	3	7	11	4	56	A3.07	01140017	Ng T.Hoàng Yến	LT	TCTP37B	18/10/2010	14/11/2010
668	3105035	Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	3105035	2	7	11	2	56	V8.02	01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuần	LT	TCTP37B	30/08/2010	17/10/2010
669	3105031	Công nghệ sản xuất cồn rượu bia và nước giải khát	3105031	2	7	11	6	56	T5.05	01350006	Nguyễn Ngọc Thuần	LT	TCTP37B	30/08/2010	17/10/2010
670	3105044	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3105044	2	7	11	5	56	A3.07	01140020	Hồ Xuân Hương	LT	TCTP37B	30/08/2010	17/10/2010
671	3107040	Quản trị doanh nghiệp	3107040	2	1	3	7	78	A6.01	TG180012	Lê Thị Thanh Hường	LT	TCTP37B	30/08/2010	14/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
672	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	2	56		01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	LT	TCTP37B	06/09/2010	06/09/2010
673	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	2	56		01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	LT	TCTP37B	04/10/2010	04/10/2010
674	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	12	12	2	56		01350009	Nguyễn Huỳnh Đ.Thuấn	LT	TCTP37B	01/11/2010	01/11/2010
675	3105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	3105010	1	1	5	3	56	F3.04 (các)	0199900210	Bùi Tấn Nghĩa	TH	TCTP37B-2	06/09/2010	24/10/2010
676	3105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	3105010	1	7	11	3	56	F3.04 (các)	01270032	Trương Văn Minh	TH	TCTP37B-3	06/09/2010	24/10/2010
677	3105010	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm	3105010	1	1	5	4	56	F3.04 (các)	01270015	Nguyễn Văn Bắc	TH	TCTP37B-1	06/09/2010	24/10/2010
678	3105081	Thực hành Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	1	5	4	56	F6.8(Ph ònà)	TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	TH	TCTP37B-2	06/09/2010	21/11/2010
679	3105081	Thực hành Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	1	5	7	56	F6.8(Ph ònà)	TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	TH	TCTP37B-1	06/09/2010	21/11/2010
680	3105081	Thực hành Phân tích thực phẩm nâng cao	3105081	2	7	11	7	56	F6.8(Ph ònà)	TG11030001	Nguyễn Lê Phương Liên	TH	TCTP37B-3	06/09/2010	21/11/2010
681	3105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3105017	1	1	6	4	56	F6.7(Ph ònà vè)	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	TCTP37B-3	18/10/2010	21/11/2010
682	3105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3105017	1	1	6	CN	56	F6.7(Ph ònà vè)	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	TCTP37B-1	18/10/2010	21/11/2010
683	3105017	Thực hành Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3105017	1	7	12	CN	56	F6.7(Ph ònà vè)	01140015	Phạm Mỹ Hào	TH	TCTP37B-2	18/10/2010	21/11/2010
684	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	1	5	2	56	F4.6(Vi Sinh 1)	0199900027	Đào Hồng Hà	TH	TCTP37B-1	06/09/2010	21/11/2010
685	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	1	5	6	56	F4.7(Vi Sinh 2)	0199900027	Đào Hồng Hà	TH	TCTP37B-2	06/09/2010	21/11/2010
686	3105015	Thực hành Vi sinh thực phẩm	3105015	2	1	5	7	56	F4.7(Vi Sinh 2)	0199900027	Đào Hồng Hà	TH	TCTP37B-3	06/09/2010	21/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
687	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	4	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCTP38A	13/09/2010	28/11/2010
688	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	5	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCTP38A	13/09/2010	28/11/2010
689	3117045	Hóa học 1	3117045	2	7	11	7	0	T4.10	01270028	Trần T.Lan Anh	LT	TCTP38A	13/09/2010	24/10/2010
690	3117053	Hóa lý.	3117053	2	7	11	CN	0	T5.02	01270031	Nguyễn Trọng Tăng	LT	TCTP38A	13/09/2010	28/11/2010
691	3105012	Hóa sinh thực phẩm	3105012	2	7	11	6	0	V14.05	01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38A	13/09/2010	28/11/2010
692	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	0		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38A	05/11/2010	05/11/2010
693	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	0		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38A	01/10/2010	01/10/2010
694	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	7	11	3	0	F6.8(Ph òna	0896000084	Đào Phan Thoại	TH	TCTP38A-2	18/10/2010	28/11/2010
695	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	1	5	7	0	F6.8(Ph òna	0896000084	Đào Phan Thoại	TH	TCTP38A-1	18/10/2010	28/11/2010
696	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	1	5	CN	0	F6.8(Ph òna	0896000084	Đào Phan Thoại	TH	TCTP38A-3	18/10/2010	28/11/2010
697	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	4	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCTP38B	13/09/2010	28/11/2010
698	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	10	5	0	A3.03	01190013	Lại Quang Ngọc	LT	TCTP38B	13/09/2010	28/11/2010
699	3117045	Hóa học 1	3117045	2	1	5	7	0	T4.10	01270028	Trần T.Lan Anh	LT	TCTP38B	13/09/2010	28/11/2010
700	3117053	Hóa lý.	3117053	2	1	5	CN	0	T4.09	01270031	Nguyễn Trọng Tăng	LT	TCTP38B	13/09/2010	28/11/2010
701	3105012	Hóa sinh thực phẩm	3105012	2	1	5	6	0	T4.03	01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38B	13/09/2010	28/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
702	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	0		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38B	03/09/2010	03/09/2010
703	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	0		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38B	01/10/2010	01/10/2010
704	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	6	0		01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38B	05/11/2010	05/11/2010
705	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	1	5	4	0	F6.8(Ph ònà	0896000084	Đào Phan Thoại	TH	TCTP38B-1	18/10/2010	28/11/2010
706	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	1	5	5	0	F6.8(Ph ònà	0896000084	Đào Phan Thoại	TH	TCTP38B-2	18/10/2010	28/11/2010
707	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	7	11	7	0	F6.8(Ph ònà	0896000084	Đào Phan Thoại	TH	TCTP38B-3	18/10/2010	28/11/2010
708	3112017	Chính trị.	3112017	4	7	11	5	0	K3.05			LT	TCTP38K	13/09/2010	28/11/2010
709	3112017	Chính trị.	3112017	4	1	5	CN	0				LT	TCTP38K	13/09/2010	28/11/2010
710	3117045	Hóa học 1	3117045	2	7	11	6	0	K3.04	01270020	Phùng T.Cẩm Loan	LT	TCTP38K	13/09/2010	28/11/2010
711	3117053	Hóa lý.	3117053	2	7	11	7	0	K1.03	01270016	Lê Thiết Hùng	LT	TCTP38K	13/09/2010	03/10/2010
712	3117053	Hóa lý.	3117053	2	7	11	7	0	K1.03	01270016	Lê Thiết Hùng	LT	TCTP38K	01/11/2010	28/11/2010
713	3105012	Hóa sinh thực phẩm	3105012	2	1	5	2	0	K3.03	01140034	Nguyễn Thị Trang	LT	TCTP38K	13/09/2010	28/11/2010
714	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	4	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	TCTP38K	24/11/2010	24/11/2010
715	SHCN1	Sinh Hoạt chủ nhiệm	SHCN1	1	6	6	4	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	TCTP38K	20/10/2010	20/10/2010
716	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	1	5	4	0		01270005	Huỳnh Ng.Quế Anh	LT	TCTP38K-1	18/10/2010	28/11/2010

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp học phần	T/C	Tiết		Thứ	Số	Phòng học	Mã giảng viên	Giảng viên	LT/TH	Mã lớp học	Ngày	
					từ	đến								bắt đầu	kết thúc
717	3105041	Thực tập tại phòng thí nghiệm	3105041	1	7	11	4	0		01270005	Huỳnh Ng. Quế Anh	LT	TCTP38K-2	18/10/2010	28/11/2010

Tp.HCM, ngày ... tháng ... năm 201...

Phòng đào tạo

Viện CN Sinh Học - Thực Phẩm